DANH SÁCH SINH VIÊN CHÍNH QUY CÓ HỌC PHẦN KHẢO THÍ CHƯA ĐƯỢC CẬP NHẬT ĐIỂM THI
DO CHƯA HOÀN THÀNH HỌC PHÍ
(Số liệu tính đến hết ngày 02 tháng 07 năm 2020)

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1	1511050009	Nguyễn Văn	Đặng	19/09/1997	CCCTCT60	4080706	Mạng máy tính + BTL	3	30-06-2020	2	HNAA308
2	1511050009	Nguyễn Văn	Đặng	19/09/1997	CCCTCT60	4080203	Cơ sở lập trình	3	22-06-2020	4	HNAA305
3	1511050007	Phạm Anh	Thư	21/09/1995	CCCTCT60	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD101
4	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	CCMOKT60	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
5	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	CCXDXD61	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
6	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	CCXDXD61	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAB501
7	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	CCXDXD61	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA303
8	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAB204
9	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
10	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD403
11	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
12	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
13	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	DCCDCD61B	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD503
14	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
15	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
16	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAA207
17	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAD403
18	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303
19	1921060057	Mai Tiến	Huỳnh	01/01/2001	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
20	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
21	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD502
22	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD402
23	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAD403
24	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303
25	1921060357	Mai Trung	Kiên	04/04/1999	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
26	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
27	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD502
28	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD402
29	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAD403
30	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
31	1921060359	Vũ Ngọc Trung	Kiên	05/08/2001	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
32	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
33	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
34	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD402
35	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAD403
36	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303
37	1921060375	Đặng Văn	Minh	05/10/2000	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
38	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
39	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
40	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAB204
41	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
42	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
43	1921060534	Đào Hồng	Quân	14/03/2001	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
44	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
45	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
46	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAB204
47	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
48	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
49	1921060515	Đỗ Minh	Toàn	11/08/2001	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
50	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
51	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
52	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAB204
53	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
54	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
55	1921060511	Nguyễn Văn	Tú	14/06/2001	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD401
56	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
57	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
58	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7090531	Nhập môn Kỹ thuật	3	25-06-2020	4	HNAB204
59	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
60	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
61	1921060463	Hoàng Văn	Vũ	19/08/2000	DCCDCK64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD401
62	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090213	Điện tử công suất	2	24-06-2020	2	HNAB201
63	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA304
64	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090321	Thiết bị cơ điện lạnh	2	23-06-2020	9	HNAD101
65	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090328	Kỹ thuật máy tính và ghép nối	2	29-06-2020	2	HNAD401

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
66	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090319	Hệ thống monitoring môi trường	2	25-06-2020	7	HNAD201
67	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090316	Thông tin số	2	25-06-2020	2	HNAD301
68	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090331	Tiếng Anh chuyên ngành điện - điện	2	01-07-2020	2	HNAD201
69	1621060262	Phạm Thanh	Quý	16/05/1997	DCCDDT61B	4090209	Điều khiển số	3	22-06-2020	4	HNAB204
70	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA305
71	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090328	Kỹ thuật máy tính và ghép nối	2	29-06-2020	2	HNAB207
72	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090321	Thiết bị cơ điện lạnh	2	23-06-2020	9	HNAB506
73	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090319	Hệ thống monitoring môi trường	2	25-06-2020	7	HNAA208
74	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090316	Thông tin số	2	25-06-2020	2	HNAD503
75	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090331	Tiếng Anh chuyên ngành điện - điện	2	01-07-2020	2	HNAA207
76	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	05/10/1998	DCCDDT61C	4090209	Điều khiển số	3	22-06-2020	4	HNAB506
77	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090328	Kỹ thuật máy tính và ghép nối	2	29-06-2020	2	HNAB207
78	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090321	Thiết bị cơ điện lạnh	2	23-06-2020	9	HNAB506
79	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	2	23-06-2020	11	HNAA208
80	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090319	Hệ thống monitoring môi trường	2	25-06-2020	7	HNAA208
81	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090316	Thông tin số	2	25-06-2020	2	HNAD503
82	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090331	Tiếng Anh chuyên ngành điện - điện	2	01-07-2020	2	HNAA207
83	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAB303
84	1621060314	Ngô Quang	Chung	07/06/1998	DCCDDT61C	4090209	Điều khiển số	3	22-06-2020	4	HNAB506
85	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA303
86	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090147	Hệ thống thông tin công nghiệp	2	01-07-2020	2	HNAA308
87	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090137	Cơ khí đường dây	2	25-06-2020	7	HNAB506
88	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090102	Máy điện 2 + TN	4	29-06-2020	9	HNAB501
89	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090150	Kinh tế năng lượng	2	29-06-2020	4	HNAB506
90	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090135	Tối ưu hóa chế độ hệ thống điện	2	23-06-2020	2	HNAA305
91	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090149	Quy hoạch và phát triển hệ thống điệ	2	25-06-2020	2	HNAA308
92	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4090148	Bảo vệ Rơle trong hệ thống điện + T	3	01-07-2020	4	HNAA305
93	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1998	DCCDDT61C	4000002	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAD101
94	1721060369	Nguyễn Đức	Hoàng	12/10/1999	DCCDDT62A	4090160	Hệ thống cung cấp điện	2	04-07-2020	4	HNAB504
95	1721060369	Nguyễn Đức	Hoàng	12/10/1999	DCCDDT62A	4090103	Khí cụ điện	3	01-07-2020	4	HNAA208
96	1721060369	Nguyễn Đức	Hoàng	12/10/1999	DCCDDT62A	4090311	Kỹ thuật xung số +TN	3	29-06-2020	7	HNAD201
97	1721060369	Nguyễn Đức	Hoàng	12/10/1999	DCCDDT62A	4090121	Máy điện	3	30-06-2020	9	HNAD101
98	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4090103	Khí cụ điện	3	01-07-2020	4	HNAD201
99	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
100	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	23-06-2020	11	HNAB506

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
101	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4090160	Hệ thống cung cấp điện	2	04-07-2020	4	HNAB205
102	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4090311	Kỹ thuật xung số +TN	3	29-06-2020	7	HNAD201
103	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD402
104	1721060145	Nghiêm Lê Anh	Minh	01/01/1999	DCCDDT62A	4090121	Máy điện	3	30-06-2020	9	HNAD101
105	1721060031	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/11/1999	DCCDDT62B	4090103	Khí cụ điện	3	01-07-2020	4	HNAD201
106	1721060031	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/11/1999	DCCDDT62B	4090311	Kỹ thuật xung số +TN	3	29-06-2020	7	HNAD201
107	1721060031	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/11/1999	DCCDDT62B	4090160	Hệ thống cung cấp điện	2	04-07-2020	4	HNAA409
108	1721060031	Nguyễn Hoàng	Tuấn	06/11/1999	DCCDDT62B	4090121	Máy điện	3	30-06-2020	9	HNAD101
109	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7090118	Khí cụ điện	3	25-06-2020	4	HNAB303
110	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7090315	Kỹ thuật xung - số	3	01-07-2020	2	HNAA405
111	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7090115	Hệ thống cung cấp điện	3	25-06-2020	2	HNAB502
112	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAB207
113	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD402
114	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7010108	Logic đại cương	3	22-06-2020	7	HNAD503
115	1821060144	Trần Văn	Kháng	01/08/2000	DCCDDT63	7090218	Lý thuyết điều khiển tự động	3	03-07-2020	7	HNAB207
116	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	DCCDHT59_1	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA308
117	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	DCCDHT59_1	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	2	23-06-2020	7	HNAD402
118	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	DCCDHT59_1	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD503
119	1721060200	Đào Văn	Khang	10/02/1999	DCCDHT62	4090213	Điện tử công suất	2	24-06-2020	2	HNAB201
120	1721060200	Đào Văn	Khang	10/02/1999	DCCDHT62	4090153	Khí cụ điện	2	25-06-2020	4	HNAA303
121	1721060200	Đào Văn	Khang	10/02/1999	DCCDHT62	4090102	Máy điện 2 + TN	4	29-06-2020	9	HNAB501
122	1721060200	Đào Văn	Khang	10/02/1999	DCCDHT62	4090130	Lưới điện 1	2	26-06-2020	2	HNAA307
123	1721060200	Đào Văn	Khang	10/02/1999	DCCDHT62	4090239	Kỹ thuật vi xử lý	2	22-06-2020	4	HNAA307
124	1721060021	Nguyễn Văn	Quảng	22/01/1999	DCCDHT62	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA304
125	1721060021	Nguyễn Văn	Quảng	22/01/1999	DCCDHT62	4010109	Logic đại cương	2	22-06-2020	9	HNAD201
126	1721060021	Nguyễn Văn	Quảng	22/01/1999	DCCDHT62	4090125	Nhà máy điện	2	24-06-2020	7	HNAB201
127	1921060242	Dương Đăng	Chính	22/07/2001	DCCDKTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD503
128	1921060242	Dương Đăng	Chính	22/07/2001	DCCDKTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
129	1921060242	Dương Đăng	Chính	22/07/2001	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
130	1921060242	Dương Đăng	Chính	22/07/2001	DCCDKTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAB303
131	1921060242	Dương Đăng	Chính	22/07/2001	DCCDKTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
132	1921060221	Nguyễn Xuân	Đông	21/02/2001	DCCDKTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
133	1921060221	Nguyễn Xuân	Đông	21/02/2001	DCCDKTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
134	1921060221	Nguyễn Xuân	Đông	21/02/2001	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
135	1921060221	Nguyễn Xuân	Đông	21/02/2001	DCCDKTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
136	1921060221	Nguyễn Xuân	Đông	21/02/2001	DCCDKTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
137	1921060298	Vũ Đình	Dương	25/01/2001	DCCDKTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
138	1921060298	Vũ Đình	Dương	25/01/2001	DCCDKTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
139	1921060298	Vũ Đình	Dương	25/01/2001	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
140	1921060298	Vũ Đình	Dương	25/01/2001	DCCDKTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAB303
141	1921060298	Vũ Đình	Dương	25/01/2001	DCCDKTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
142	1921040042	Phạm Văn	Hiển	16/10/2001	DCCDKTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD502
143	1921040042	Phạm Văn	Hiển	16/10/2001	DCCDKTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
144	1921040042	Phạm Văn	Hiển	16/10/2001	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
145	1921040042	Phạm Văn	Hiển	16/10/2001	DCCDKTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
146	1921040042	Phạm Văn	Hiển	16/10/2001	DCCDKTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
147	1921060244	Lê Minh	Thắng	21/09/2001	DCCDKTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
148	1921060244	Lê Minh	Thắng	21/09/2001	DCCDKTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
149	1921060244	Lê Minh	Thắng	21/09/2001	DCCDKTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
150	1921060244	Lê Minh	Thắng	21/09/2001	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
151	1921060244	Lê Minh	Thắng	21/09/2001	DCCDKTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
152	1921060253	Mạc Quang	Trường	26/10/1998	DCCDKTD64	7010103	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAD401
153	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	DCCDMT60	4090152	Vận hành hệ thống điện	2	30-06-2020	2	HNAB506
154	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	DCCDMT60	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
155	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	01/01/1997	DCCDMT60	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	7	HNAA306
156	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4090540	Máy thủy khí	3	23-06-2020	9	HNAB501
157	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4090125	Nhà máy điện	2	24-06-2020	7	HNAA407
158	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4010401	Hình học họa hình	2	27-06-2020	9	HNAA305
159	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	7	HNAA306
160	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD402
161	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
162	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4090152	Vận hành hệ thống điện	2	30-06-2020	2	HNAB204
163	1521060392	Dương Công	Hoành	24/02/1997	DCCDMT60	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
164	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAD201
165	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4090506	Tiếng Anh chuyên ngành	2	29-06-2020	2	HNAA305
166	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4090513	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ kl	2	25-06-2020	2	HNAB405
167	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4090540	Máy thủy khí	3	23-06-2020	9	HNAB501
168	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	30-06-2020	11	HNAD201
169	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	29/01/1998	DCCDMT61	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD502
170	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	DCCDMT61	4090421	Nguyên lý máy	2	30-06-2020	9	HNAA405

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
171	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAA208
172	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	2	23-06-2020	11	HNAA208
173	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090506	Tiếng Anh chuyên ngành	2	29-06-2020	2	HNAA305
174	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090594	Năng lượng mới trên ô tô	2	29-06-2020	4	HNAA305
175	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090511	Tin học ứng dụng trong máy và thiết	2	25-06-2020	2	HNAB202
176	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
177	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090522	Nguyên lý động cơ đốt trong	3	23-06-2020	4	HNAA405
178	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAB204
179	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090107	An toàn điện	2	24-06-2020	2	HNAA304
180	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAA208
181	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4010110	Toán tối ưu	2	22-06-2020	4	HNAD301
182	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAA305
183	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD502
184	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAB303
185	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3	26-06-2020	2	HNAA303
186	1721060583	Lê Trọng	Duy	25/02/1999	DCCDOT62	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAA305
187	1521060348	Nguyễn Tiến	Giáp	28/01/1997	DCCDOT62	4090421	Nguyên lý máy	2	30-06-2020	9	HNAA405
188	1721060394	Nguyễn Văn Qu	Huy	14/11/1999	DCCDOT62	4090506	Tiếng Anh chuyên ngành	2	29-06-2020	2	HNAA305
189	1721060394	Nguyễn Văn Qu	Huy	14/11/1999	DCCDOT62	4090511	Tin học ứng dụng trong máy và thiết	2	25-06-2020	2	HNAB202
190	1721060394	Nguyễn Văn Qu	Huy	14/11/1999	DCCDOT62	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
191	1721060394	Nguyễn Văn Qu	Huy	14/11/1999	DCCDOT62	4090522	Nguyên lý động cơ đốt trong	3	23-06-2020	4	HNAA405
192	1721060394	Nguyễn Văn Qu	Huy	14/11/1999	DCCDOT62	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3	26-06-2020	2	HNAA303
193	1224010334	Nguyễn Đức	Việt	16/02/1993	DCCDTD57A	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAD201
194	1224010334	Nguyễn Đức	Việt	16/02/1993	DCCDTD57A	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAD201
195	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	DCCDTD60_1	4090150	Kinh tế năng lượng	2	29-06-2020	4	HNAD101
196	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	DCCDTD60_1	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA307
197	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	DCCDTD60_1	4090150	Kinh tế năng lượng	2	29-06-2020	4	HNAD101
198	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	4	HNAA308
199	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090204	Kỹ thuật lập trình tự động hóa	2	26-06-2020	2	HNAA409
200	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	24-06-2020	9	HNAD401
201	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	26-06-2020	7	HNAB506
202	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090222	Điều khiển tự động hệ thống truyền đ	2	23-06-2020	9	HNAD301
203	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	2	25-06-2020	4	HNAA306
204	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	2	01-07-2020	7	HNAD101
205	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090218	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	2	29-06-2020	7	HNAA304

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
206	1621060212	Nguyễn Công	Nguyên	15/07/1998	DCCDTD61A	4090107	An toàn điện	2	24-06-2020	2	HNAA307
207	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	24-06-2020	9	HNAD301
208	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090222	Điều khiển tự động hệ thống truyền đ	2	23-06-2020	9	HNAD301
209	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	2	01-07-2020	7	HNAD101
210	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	26-06-2020	7	HNAA207
211	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	2	25-06-2020	4	HNAB405
212	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	DCCDTD61D	4090218	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	2	29-06-2020	7	HNAD503
213	1721060276	Phạm Việt	Khôi	26/09/1999	DCCDTD62A	4090251	Kỹ thuật Vi điều khiển	2	01-07-2020	4	HNAA304
214	1721060276	Phạm Việt	Khôi	26/09/1999	DCCDTD62A	4090311	Kỹ thuật xung số +TN	3	29-06-2020	7	HNAD201
215	1721060276	Phạm Việt	Khôi	26/09/1999	DCCDTD62A	4090225	Tin học công nghiệp + TH	3	29-06-2020	11	HNAD201
216	1721060276	Phạm Việt	Khôi	26/09/1999	DCCDTD62A	4090255	Truyền động điện	3	03-07-2020	9	HNAD301
217	1721060276	Phạm Việt	Khôi	26/09/1999	DCCDTD62A	4090215	Các phần tử tự động + TH	3	27-06-2020	11	HNAD201
218	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4090251	Kỹ thuật Vi điều khiển	2	01-07-2020	4	HNAD402
219	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4010109	Logic đại cương	2	22-06-2020	9	HNAD201
220	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAD201
221	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAD201
222	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4090225	Tin học công nghiệp + TH	3	29-06-2020	11	HNAD201
223	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4090255	Truyền động điện	3	03-07-2020	9	HNAD301
224	1721060137	Nguyễn Văn	Thắng	04/10/1999	DCCDTD62A	4090215	Các phần tử tự động + TH	3	27-06-2020	11	HNAD201
225	1721060520	Lê Ngọc	Tân	26/08/1998	DCCDTD62B	4090251	Kỹ thuật Vi điều khiển	2	01-07-2020	4	HNAD402
226	1721060520	Lê Ngọc	Tân	26/08/1998	DCCDTD62B	4090255	Truyền động điện	3	03-07-2020	9	HNAD301
227	1721060520	Lê Ngọc	Tân	26/08/1998	DCCDTD62B	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
228	1721060520	Lê Ngọc	Tân	26/08/1998	DCCDTD62B	4010103	Giải tích 2	3	23-06-2020	7	HNAA208
229	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7090209	Đo lường công nghiệp	3	22-06-2020	9	HNAA305
230	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7090201	Cơ sở điện tử công suất	3	30-06-2020	4	HNAB207
231	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7010405	Vẽ kỹ thuật và autocad + BTL	3	27-06-2020	7	HNAA305
232	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7090218	Lý thuyết điều khiển tự động	3	03-07-2020	7	HNAB204
233	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB506
234	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7090233	Tín hiệu và hệ thống	3	26-06-2020	9	HNAA208
235	1821060062	Nguyễn Minh	Đức	30/01/2000	DCCDTD63A	7090220	Mô hình hóa và mô phỏng	3	03-07-2020	9	HNAD402
236	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7090209	Đo lường công nghiệp	3	22-06-2020	9	HNAA305
237	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7090201	Cơ sở điện tử công suất	3	30-06-2020	4	HNAB207
238	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAA208
239	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7010405	Vẽ kỹ thuật và autocad + BTL	3	27-06-2020	7	HNAA305
240	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7090218	Lý thuyết điều khiển tự động	3	03-07-2020	7	HNAB204

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
241	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7090233	Tín hiệu và hệ thống	3	26-06-2020	9	HNAA208
242	1821060308	Lê Duy	Cường	01/01/2000	DCCDTD63B	7090220	Mô hình hóa và mô phỏng	3	03-07-2020	9	HNAD402
243	1821060085	Nguyễn Văn	Tuấn	17/10/1998	DCCDTD63C	7090218	Lý thuyết điều khiển tự động	3	03-07-2020	7	HNAB303
244	1821060085	Nguyễn Văn	Tuấn	17/10/1998	DCCDTD63C	7090209	Đo lường công nghiệp	3	22-06-2020	9	HNAA303
245	1821060085	Nguyễn Văn	Tuấn	17/10/1998	DCCDTD63C	7090220	Mô hình hóa và mô phỏng	3	03-07-2020	9	HNAD101
246	1821060085	Nguyễn Văn	Tuấn	17/10/1998	DCCDTD63C	7090201	Cơ sở điện tử công suất	3	30-06-2020	4	HNAD401
247	1821060085	Nguyễn Văn	Tuấn	17/10/1998	DCCDTD63C	7090233	Tín hiệu và hệ thống	3	26-06-2020	9	HNAD201
248	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
249	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAD502
250	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
251	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
252	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402
253	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
254	1921060485	Lê Minh	Đức	03/01/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
255	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
256	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
257	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAD502
258	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
259	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD403
260	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
261	1921060481	Trần Tiến Mạn	Hùng	06/10/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
262	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
263	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
264	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAD502
265	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD201
266	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
267	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD201
268	1921060506	Phạm Gia	Hưng	19/12/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
269	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
270	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
271	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
272	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
273	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
274	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
275	1921060525	Trần Ngọc	Mạnh	20/06/1996	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
276	1921060526	Nguyễn Tuấn	Minh	09/03/2000	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
277	1921060526	Nguyễn Tuấn	Minh	09/03/2000	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
278	1921060526	Nguyễn Tuấn	Minh	09/03/2000	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
279	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
280	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
281	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
282	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
283	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
284	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
285	1921060396	Nguyễn Viết	Phương	22/03/2000	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
286	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
287	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
288	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
289	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
290	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
291	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
292	1921060435	Nguyễn Đình	Toản	28/03/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
293	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
294	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
295	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
296	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
297	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
298	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
299	1921060509	Nguyễn Đức	Trung	11/04/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
300	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
301	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
302	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
303	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101
304	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
305	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
306	1921060474	Bùi Nguyên Ng	Tú	11/09/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD401
307	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
308	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
309	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	3	25-06-2020	2	HNAB303
310	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2	23-06-2020	2	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
311	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
312	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD301
313	1921060449	Cao Anh	Tuấn	01/08/2001	DCCDTD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD401
314	1951060003	Phạm Quang	Huy	01/02/1996	DCCDTD64B	7090316	Lý thuyết mạch	4	24-06-2020	2	HNAD401
315	1951060003	Phạm Quang	Huy	01/02/1996	DCCDTD64B	7010108	Logic đại cương	3	22-06-2020	7	HNAD503
316	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/1997	DCCDTK60_1	4090569	Trạm bơm cấp và thoát nước mỏ	2	01-07-2020	2	HNAB507
317	1521060406	Nguyễn Đức	Thuận	12/04/1997	DCCDTK60_1	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA405
318	1521060393	Nguyễn Quốc	Tỉnh	18/11/1997	DCCDTK60_1	4090569	Trạm bơm cấp và thoát nước mỏ	2	01-07-2020	2	HNAB507
319	1521060393	Nguyễn Quốc	Tỉnh	18/11/1997	DCCDTK60_1	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	4	03-07-2020	7	HNAA305
320	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA305
321	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090441	Động lực học và ổn định truyền động	2	29-06-2020	2	HNAB404
322	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090436	Truyền động - tự động khí nén +TN	4	23-06-2020	2	HNAA405
323	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
324	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090445	Chuyên đề máy và tự động thủy khí	2	25-06-2020	2	HNAA408
325	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090152	Vận hành hệ thống điện	2	30-06-2020	2	HNAB506
326	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	DCCDTK61	4090568	Công nghệ sửa chữa máy thủy khí	2	22-06-2020	2	HNAB206
327	1621060798	Hà Văn	Đức	28/07/1998	DCCDTK61	4090444	Tin học chuyên đề	2	29-06-2020	4	HNAA409
328	1621060838	Phạm Duy	Khánh	10/02/1998	DCCDTK61	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	26-06-2020	7	HNAB506
329	1621060838	Phạm Duy	Khánh	10/02/1998	DCCDTK61	4090125	Nhà máy điện	2	24-06-2020	7	HNAA407
330	1621060838	Phạm Duy	Khánh	10/02/1998	DCCDTK61	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
331	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	DCCDTK61	4090444	Tin học chuyên đề	2	29-06-2020	4	HNAA409
332	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	DCCDTK61	4090417	Kỹ thuật thuỷ khí B + TN	3	01-07-2020	2	HNAB401
333	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	DCCDTM60_	7090422	Kỹ thuật đo + BTL	3	25-06-2020	2	HNAB501
334	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	DCCDTM60_	7090218	Lý thuyết điều khiển tự động	3	03-07-2020	7	HNAB303
335	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	DCCDTM60_	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2	04-07-2020	4	HNAA305
336	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA303
337	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090454	Thiết kế dụng cụ cắt kim loại	2	23-06-2020	4	HNAA305
338	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	2	29-06-2020	2	HNAD101
339	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090451	Vật liệu phi kim	2	25-06-2020	2	HNAA409
340	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
341	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4010607	Tiếng Trung 1	2	25-06-2020	9	HNAA207
342	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	3	26-06-2020	2	HNAB303
343	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA304
344	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4090224	Phương pháp lập trình CNC	2	22-06-2020	2	HNAA304
345	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAB303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
346	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiền	07/10/1998	DCCDTM61A	7090406	Cơ sở thiết kế máy	3	03-07-2020	2	HNAA308
347	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAA208
348	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090449	Truyền động tự động thủy khí trong	2	23-06-2020	9	HNAD401
349	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	2	29-06-2020	2	HNAD101
350	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090459	Công nghệ chế tạo máy 2	3	25-06-2020	4	HNAD402
351	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090463	Công nghệ CAD/CAM/CNC + BTL	3	29-06-2020	4	HNAD301
352	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
353	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090460	Đồ gá	2	01-07-2020	4	HNAD401
354	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4090125	Nhà máy điện	2	24-06-2020	7	HNAA307
355	1621060724	Phan Thanh	Bang	03/05/1998	DCCDTM61B	4010401	Hình học họa hình	2	27-06-2020	9	HNAA305
356	1721060414	Khổng Chí	Tài	18/05/1999	DCCDTM62	4090454	Thiết kế dụng cụ cắt kim loại	2	23-06-2020	4	HNAB501
357	1721060414	Khổng Chí	Tài	18/05/1999	DCCDTM62	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	2	29-06-2020	2	HNAD101
358	1721060414	Khổng Chí	Tài	18/05/1999	DCCDTM62	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
359	1721060414	Khổng Chí	Tài	18/05/1999	DCCDTM62	4090451	Vật liệu phi kim	2	25-06-2020	2	HNAA304
360	1721060414	Khổng Chí	Tài	18/05/1999	DCCDTM62	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	3	26-06-2020	2	HNAB303
361	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	30-06-2020	7	HNAD101
362	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090454	Thiết kế dụng cụ cắt kim loại	2	23-06-2020	4	HNAB501
363	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090245	Lý thuyết điều khiển tự động	2	29-06-2020	2	HNAD301
364	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	24-06-2020	9	HNAD301
365	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	01-07-2020	2	HNAD401
366	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090451	Vật liệu phi kim	2	25-06-2020	2	HNAA304
367	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	3	26-06-2020	2	HNAB303
368	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	4	03-07-2020	7	HNAA305
369	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4010401	Hình học họa hình	2	27-06-2020	9	HNAA303
370	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4010110	Toán tối ưu	2	22-06-2020	4	HNAD301
371	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD301
372	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	7	HNAA306
373	1721060400	Lê Văn	Trung	23/06/1999	DCCDTM62	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
374	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7090446	Vẽ thiết kế cơ khí	2	01-07-2020	2	HNAA407
375	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7090422	Kỹ thuật đo + BTL	3	25-06-2020	2	HNAA305
376	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAA208
377	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7090518	Kỹ thuật truyền động thủy khí	3	22-06-2020	2	HNAA407
378	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7090406	Cơ sở thiết kế máy	3	03-07-2020	2	HNAA308
379	1821060008	Đoàn Mạnh	Dũng	28/06/2000	DCCDTM63	7090312	Kỹ thuật điện - điện tử	3	26-06-2020	9	HNAB506
380	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD402

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
381	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD503
382	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
383	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
384	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
385	1821051122	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/04/1997	DCCTCT63	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAA305
386	1821051076	Nguyễn Huy	Hoàng	13/04/2000	DCCTCT63	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD201
387	1821051076	Nguyễn Huy	Hoàng	13/04/2000	DCCTCT63	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD402
388	1821051076	Nguyễn Huy	Hoàng	13/04/2000	DCCTCT63	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD402
389	1821051076	Nguyễn Huy	Hoàng	13/04/2000	DCCTCT63	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD402
390	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD201
391	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD401
392	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	03-07-2020	2	HNAA306
393	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD101
394	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB207
395	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080619	Tiếng Anh CN (Tiếng Anh thương m	2	26-06-2020	7	HNAB303
396	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAB207
397	1821050568	Nguyễn Bá	Sơn	08/11/2000	DCCTCT63	7010108	Logic đại cương	3	22-06-2020	7	HNAD101
398	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
399	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
400	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
401	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
402	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
403	1821050489	Trịnh Tuấn	Anh	21/11/2000	DCCTCT63D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
404	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
405	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
406	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
407	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
408	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
409	1921050041	Lê Đình	Anh	24/06/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
410	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
411	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
412	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
413	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2	26-06-2020	9	HNAD101
414	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
415	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
416	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
417	1921050048	Ngô Nhật Quan	Anh	27/08/2001	DCCTCT64A	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAB303
418	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
419	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
420	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
421	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
422	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
423	1921050090	Nguyễn Trần H	Bách	24/10/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
424	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
425	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
426	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402
427	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
428	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
429	1921050188	Đỗ Anh	Đức	08/11/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
430	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
431	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
432	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD503
433	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
434	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
435	1921050197	Nguyễn Văn	Đức	10/01/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
436	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD402
437	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD503
438	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
439	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA207
440	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
441	1921050135	Đặng Khánh	Duy	08/12/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
442	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD403
443	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD502
444	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
445	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
446	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD403
447	1921050274	Phạm Văn	Hoàng	09/05/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
448	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
449	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
450	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
451	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
452	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
453	1921050303	Nguyễn Đình	Huyên	20/11/2000	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
454	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
455	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
456	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
457	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
458	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
459	1921050362	Ngô Vũ	Long	24/10/2000	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD401
460	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
461	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
462	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD301
463	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD502
464	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
465	1921050762	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
466	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
467	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
468	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	7	HNAD301
469	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
470	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
471	1921050575	Nguyễn Văn	Thịnh	01/04/2001	DCCTCT64A	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
472	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
473	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
474	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAD502
475	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
476	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
477	1921050052	Nguyễn Đức	Anh	19/01/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
478	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
479	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
480	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAD502
481	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2	26-06-2020	9	HNAD101
482	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
483	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
484	1921050064	Nguyễn Văn Đ	Anh	12/09/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
485	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
486	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
487	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4	25-06-2020	4	HNAA208
488	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAD502
489	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
490	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA207
491	1921011040	La Văn	Công	14/04/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
492	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
493	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
494	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAD502
495	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402
496	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
497	1921050178	Vương Quốc	Đạt	23/06/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
498	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
499	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
500	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAD502
501	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD503
502	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
503	1921050193	Lương Văn	Đức	25/03/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
504	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
505	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
506	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	29-06-2020	4	HNAB303
507	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
508	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
509	1921050022	Nguyễn Thị Hu	Ly	12/11/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
510	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
511	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
512	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
513	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
514	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
515	1921050588	Nguyễn Thiện	Thuật	14/11/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
516	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
517	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
518	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
519	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
520	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
521	1921050603	Trần Quốc	Toàn	22/04/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
522	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
523	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
524	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
525	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
526	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
527	1921050716	Đặng Văn	Tuấn	15/07/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
528	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
529	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
530	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4	25-06-2020	4	HNAD201
531	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
532	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
533	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
534	1921050678	Phạm Thị Phươ	Uyên	16/09/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
535	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
536	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
537	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
538	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
539	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
540	1921050707	Mai Thị	Yến	17/07/2001	DCCTCT64B	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
541	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
542	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
543	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
544	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
545	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
546	1921050081	Trần Quang	Anh	16/05/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
547	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
548	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
549	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
550	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
551	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
552	1921050088	Lê Minh	Bách	16/05/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
553	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD402
554	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
555	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
556	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402
557	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
558	1924010486	Nguyễn Trọng	Đạt	05/05/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
559	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD402
560	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
561	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
562	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402
563	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD402
564	1921050175	Trần Ngọc	Đạt	13/03/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
565	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
566	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD503
567	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
568	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7080622	Tối ưu hóa thuật toán	2	01-07-2020	7	HNAB501
569	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD503
570	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD503
571	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD402
572	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2	30-06-2020	7	HNAB506
573	1921050216	Nguyễn Huy	Hải	15/12/2001	DCCTCT64C	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAB303
574	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD503
575	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD403
576	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
577	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD503
578	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD503
579	1921050768	Nguyễn Văn	Hiền	06/10/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD402
580	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
581	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
582	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
583	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
584	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
585	1921050786	Cồ Như	Hùng	04/10/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD403
586	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
587	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
588	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
589	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
590	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
591	1921050785	Nguyễn Thị Th	Huyền	06/01/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
592	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD502
593	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
594	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
595	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAB207
596	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD403
597	1921050331	Lương Duy	Khiêm	27/11/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
598	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD502
599	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
600	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
601	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAB207
602	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD403
603	1921050336	Nguyễn Đức	Kiên	22/02/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
604	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
605	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
606	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
607	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
608	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
609	1921050405	Đỗ Phương	Nam	21/04/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
610	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
611	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
612	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	7	HNAD301
613	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
614	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
615	1921050411	Nguyễn Đức	Nam	28/04/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
616	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
617	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
618	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
619	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
620	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
621	1921050721	Nguyễn Việt H	Nam	30/03/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
622	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
623	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
624	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
625	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
626	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
627	1921050453	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyện	06/10/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
628	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
629	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
630	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA207
631	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
632	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
633	1921050774	Lý Lê Trọng	Phú	09/03/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
634	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
635	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
636	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA207
637	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
638	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
639	1921050493	Trịnh Anh	Quân	28/07/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD502
640	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
641	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
642	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA207
643	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
644	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
645	1921050747	Phạm Việt	Quang	11/03/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD502
646	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
647	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
648	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
649	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
650	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
651	1921050593	Nguyễn Văn	Thưởng	18/12/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
652	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
653	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
654	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
655	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
656	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
657	1921050728	Phan Tuấn	Triệu	22/12/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
658	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
659	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
660	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
661	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
662	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
663	1921050645	Đào Duy	Tuấn	07/04/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
664	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
665	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
666	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
667	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
668	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
669	1921050727	Vũ Thanh	Tùng	01/01/2001	DCCTCT64C	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
670	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
671	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
672	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
673	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
674	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA207
675	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
676	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7080120	Tiếng Anh cho ngành CNTT	2	27-06-2020	2	HNAB505
677	1921050103	Hà Minh	Chiến	16/08/2000	DCCTCT64D	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAA208
678	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD402
679	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
680	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
681	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
682	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA207
683	1921050108	Nguyễn Khắc	Chính	03/05/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
684	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD403
685	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
686	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
687	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
688	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
689	1921060250	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/11/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD403
690	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD403
691	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
692	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
693	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010603	Tiếng Anh 3	2	26-06-2020	9	HNAA305
694	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
695	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
696	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010604	Tiếng Anh 4	2	25-06-2020	7	HNAA305
697	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD403
698	1921050276	Trần Huy	Hoàng	16/07/2001	DCCTCT64D	7080118	Thiết kế Website	2	24-06-2020	2	HNAB502
699	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAB207
700	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD403
701	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
702	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
703	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
704	1921050310	Lê Quang	Hưng	09/11/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
705	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
706	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
707	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
708	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
709	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
710	1921050377	Bồ Hồng Đức	Mạnh	18/06/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
711	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
712	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD502
713	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	9	HNAD201
714	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
715	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
716	1921050397	Trần Danh	Minh	06/12/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
717	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD201
718	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
719	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA208
720	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7010603	Tiếng Anh 3	2	26-06-2020	9	HNAD502
721	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD201
722	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
723	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7080120	Tiếng Anh cho ngành CNTT	2	27-06-2020	2	HNAB504
724	1921050444	Nguyễn Minh	Ngọc	12/12/2001	DCCTCT64D	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAA207
725	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
726	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
727	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA207
728	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
729	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
730	1921050545	Ngụy Hữu	Thành	08/06/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
731	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
732	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD201
733	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAA207
734	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
735	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD101
736	1921050544	Nguyễn Văn	Thành	23/07/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
737	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
738	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
739	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
740	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
741	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
742	1921050651	Nguyễn Ích	Tuấn	13/12/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
743	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD301
744	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD101
745	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4	25-06-2020	4	HNAD201
746	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7080514	Nhập môn ngành CNTT	3	25-06-2020	2	HNAD201
747	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD401
748	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
749	1921050679	Nguyễn Văn	Ước	01/03/2001	DCCTCT64D	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
750	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD402
751	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB506
752	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD403
753	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2	26-06-2020	9	HNAD101
754	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAA207
755	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAB505
756	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2	30-06-2020	7	HNAB506
757	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD201
758	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD402
759	1821050714	Nguyễn Minh	Hiếu	27/06/2000	DCCTDH63A	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD402
760	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAD403
761	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD201
762	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD101
763	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	26-06-2020	2	HNAB401
764	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2	26-06-2020	9	HNAD101
765	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAB204

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
766	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2	30-06-2020	7	HNAB204
767	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD201
768	1821051110	Bùi Kim	Nhất	29/01/2000	DCCTDH63A	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAB204
769	1821051128	Phạm Văn	Trường	10/01/2000	DCCTDH63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB204
770	1821051128	Phạm Văn	Trường	10/01/2000	DCCTDH63A	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAB204
771	1821051128	Phạm Văn	Trường	10/01/2000	DCCTDH63A	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAB303
772	1821051128	Phạm Văn	Trường	10/01/2000	DCCTDH63A	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAB505
773	1821051128	Phạm Văn	Trường	10/01/2000	DCCTDH63A	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD101
774	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB506
775	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD403
776	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAA308
777	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAB303
778	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAA208
779	1821050734	Đoàn Ngọc	Anh	20/05/2000	DCCTDH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAA208
780	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD301
781	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD101
782	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	9	HNAD402
783	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAA303
784	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAB207
785	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD201
786	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD502
787	1821051037	Khuất Duy	Thành	26/10/2000	DCCTDH63B	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2	30-06-2020	7	HNAB204
788	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB204
789	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAB204
790	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD201
791	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAB303
792	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAB505
793	1821050058	Vũ Anh	Tiến	09/08/2000	DCCTDH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD101
794	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	01-07-2020	4	HNAD101
795	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD101
796	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD403
797	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD201
798	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	29-06-2020	7	HNAB506
799	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD101
800	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD301

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
801	1821050644	Bùi Mạnh	Tùng	26/01/2000	DCCTDH63B	7080118	Thiết kế Website	2	24-06-2020	2	HNAB203
802	1521050125	Phạm Văn	Tốt	06/11/1997	DCCTKH60	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	2	04-07-2020	4	HNAD301
803	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	3	25-06-2020	7	HNAD401
804	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080548	Thị giác máy tính	2	30-06-2020	2	HNAB504
805	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	3	25-06-2020	4	HNAA207
806	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080705	An ninh mạng + BTL	3	23-06-2020	4	HNAA308
807	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080542	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	29-06-2020	7	HNAA305
808	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080541	Khai phá dữ liệu	3	24-06-2020	9	HNAA304
809	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080122	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ	2	30-06-2020	4	HNAD301
810	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	7010108	Logic đại cương	3	22-06-2020	7	HNAD503
811	1621050469	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/10/1998	DCCTKH61A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAB501
812	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	3	25-06-2020	7	HNAD401
813	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	3	25-06-2020	4	HNAD401
814	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080121	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di độ	3	01-07-2020	7	HNAD201
815	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080542	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	29-06-2020	7	HNAA305
816	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080541	Khai phá dữ liệu	3	24-06-2020	9	HNAA304
817	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	DCCTKH61A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAD201
818	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080117	Quản trị dự án công nghệ thông tin	2	01-07-2020	2	HNAB207
819	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	3	25-06-2020	7	HNAD401
820	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080533	Tin học văn phòng ứng dụng	2	23-06-2020	4	HNAB404
821	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080548	Thị giác máy tính	2	30-06-2020	2	HNAB504
822	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080541	Khai phá dữ liệu	3	24-06-2020	9	HNAA307
823	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080121	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di độ	3	01-07-2020	7	HNAD201
824	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080542	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	29-06-2020	7	HNAB501
825	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAD201
826	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	DCCTKH61A	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
827	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	DCCTKH61B	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	3	25-06-2020	7	HNAD401
828	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	DCCTKH61B	4080121	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di độ	3	01-07-2020	7	HNAD201
829	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	DCCTKH61B	4080542	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	29-06-2020	7	HNAA305
830	1621050218	Lê Trung	Hiếu	21/07/1998	DCCTKH61B	4080541	Khai phá dữ liệu	3	24-06-2020	9	HNAA304
831	1721050630	Hoàng Như	Huy	07/11/1999	DCCTKH62A	4080533	Tin học văn phòng ứng dụng	2	23-06-2020	4	HNAB404
832	1721050630	Hoàng Như	Huy	07/11/1999	DCCTKH62A	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	23-06-2020	11	HNAB506
833	1721050630	Hoàng Như	Huy	07/11/1999	DCCTKH62A	4000002	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAD101
834	1721050630	Hoàng Như	Huy	07/11/1999	DCCTKH62A	4080621	Thương mại điện tử	2	26-06-2020	2	HNAB506
835	1721050630	Hoàng Như	Huy	07/11/1999	DCCTKH62A	4080110	Mã nguồn mở	2	27-06-2020	7	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
836	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	01-07-2020	2	HNAD402
837	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD503
838	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	29-06-2020	2	HNAD201
839	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080121	Toán rời rạc cho CNTT	4	25-06-2020	4	HNAD201
840	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD403
841	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080622	Tối ưu hóa thuật toán	2	01-07-2020	7	HNAB501
842	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAA405
843	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD403
844	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD201
845	1821051018	Trần Công	Nam	02/01/2000	DCCTKH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAB204
846	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	01-07-2020	2	HNAD101
847	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD503
848	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	29-06-2020	2	HNAD201
849	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD403
850	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAA303
851	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAB207
852	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD201
853	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD502
854	1821050698	Trần Phương	Thành	08/09/2000	DCCTKH63B	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2	30-06-2020	7	HNAB204
855	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	DCCTKT59_1	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doa	3	22-06-2020	4	HNAA405
856	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	DCCTKT59_1	4070103	Kinh tế lượng	3	27-06-2020	9	HNAD401
857	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	DCCTKT59_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD502
858	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	DCCTKT59_1	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tr	3	01-07-2020	2	HNAD301
859	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	DCCTKT59_1	4070109	Kinh doanh quốc tế	2	04-07-2020	2	HNAD401
860	1521050253	Trần Thị	Dung	03/02/1995	DCCTKT60_1	4080608	Lập trình quản lý + TH	4	29-06-2020	4	HNAB205
861	1521050236	Vũ Đức	Kiên	18/03/1997	DCCTKT60_1	7080619	Tiếng Anh CN (Tiếng Anh thương m	2	26-06-2020	7	HNAB207
862	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	DCCTKT60_1	4080608	Lập trình quản lý + TH	4	29-06-2020	4	HNAB205
863	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	DCCTKT60_1	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	3	25-06-2020	9	HNAB506
864	1521050117	Trần Đức	Trung	06/01/1997	DCCTKT60_1	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tr	3	01-07-2020	2	HNAD301
865	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	DCCTKT60_1	4070103	Kinh tế lượng	3	27-06-2020	9	HNAD401
866	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	DCCTKT60_1	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	3	25-06-2020	9	HNAB506
867	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	DCCTKT60_1	4080605	Thuật toán hoá các bài toán kinh tế	3	01-07-2020	4	HNAA207
868	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	DCCTKT60_1	4080604	Phát triển ứng dụng tin học trong qu	2	24-06-2020	9	HNAA308
869	1521050281	Phạm Anh	Tuấn	20/09/1997	DCCTKT60_1	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
870	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4080611	Chuyên đề - thực hành 1	2	23-06-2020	7	HNAB501

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
871	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	3	25-06-2020	4	HNAD401
872	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4080609	Kế toán máy (tin kinh tế)	2	03-07-2020	2	HNAA304
873	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tr	3	23-06-2020	11	HNAD201
874	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAD301
875	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4010607	Tiếng Trung 1	2	25-06-2020	9	HNAA207
876	1621050420	Lê Minh	Sơn	23/01/1998	DCCTKT61	4010608	Tiếng Trung 2	2	01-07-2020	4	HNAA308
877	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080117	Quản trị dự án công nghệ thông tin	2	01-07-2020	2	HNAB204
878	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080706	Mạng máy tính + BTL	3	30-06-2020	2	HNAB505
879	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4070103	Kinh tế lượng	3	27-06-2020	9	HNAD401
880	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080605	Thuật toán hoá các bài toán kinh tế	3	01-07-2020	4	HNAA207
881	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAD301
882	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	7080619	Tiếng Anh CN (Tiếng Anh thương m	2	26-06-2020	7	HNAB207
883	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080122	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ	2	30-06-2020	4	HNAD301
884	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4070102	Kinh tế vĩ mô	3	04-07-2020	4	HNAB505
885	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401
886	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080604	Phát triển ứng dụng tin học trong qu	2	24-06-2020	9	HNAA308
887	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	DCCTKT62	4080110	Mã nguồn mở	2	27-06-2020	7	HNAD101
888	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD402
889	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	03-07-2020	2	HNAA406
890	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAA207
891	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	27-06-2020	9	HNAA208
892	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD402
893	1821050822	Nguyễn Trường	Giang	18/10/2000	DCCTKT63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAA207
894	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	4	HNAB204
895	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD101
896	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAB204
897	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD201
898	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	29-06-2020	7	HNAB506
899	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD101
900	1821051006	Nguyễn Minh	Tiến	10/06/2000	DCCTKT63B	7080619	Tiếng Anh CN (Tiếng Anh thương m	2	26-06-2020	7	HNAB303
901	1521050240	Nguyễn Minh	Duy	01/01/1997	DCCTMM60_	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA305
902	1521050240	Nguyễn Minh	Duy	01/01/1997	DCCTMM60_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD502
903	1521050297	Đồng Tuấn	Huy	18/01/1997	DCCTMM60_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
904	1521050305	Nguyễn Thị	Thủy	15/03/1997	DCCTMM60_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401
905	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
906	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
907	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	29-06-2020	9	HNAA208
908	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD503
909	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA305
910	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4080713	Lý thuyết mật mã + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB505
911	1621050421	Đỗ Văn	Định	18/06/1998	DCCTMM61_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
912	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101
913	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
914	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080711	Hệ thống viễn thông + BTL	3	29-06-2020	7	HNAD101
915	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	29-06-2020	9	HNAA208
916	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tı	3	01-07-2020	2	HNAD301
917	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080203	Cơ sở lập trình	3	22-06-2020	4	HNAA305
918	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	01/11/1998	DCCTMM61_	4080713	Lý thuyết mật mã + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB505
919	1621050599	Bùi Đức	Minh	13/07/1998	DCCTMM61_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
920	1621050590	Đinh Xuân	Nam	14/07/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	01-07-2020	4	HNAB506
921	1621050590	Đinh Xuân	Nam	14/07/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101
922	1621050590	Đinh Xuân	Nam	14/07/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
923	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	01-07-2020	4	HNAB506
924	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4010604	Tiếng Anh 4	2	25-06-2020	4	HNAA305
925	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101
926	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
927	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	24-06-2020	2	HNAB503
928	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD402
929	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	DCCTMM61_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
930	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	01-07-2020	4	HNAB506
931	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101
932	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
933	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080708	Cơ sở truyền tin và truyền số liệu	2	29-06-2020	4	HNAD401
934	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080621	Thương mại điện tử	2	26-06-2020	2	HNAA207
935	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4010111	Toán rời rạc	2	23-06-2020	4	HNAD301
936	1621050202	Nguyễn Văn	Quân	05/01/1998	DCCTMM61_	4080713	Lý thuyết mật mã + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB504
937	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4080715	Quản trị hệ thống + ĐA	4	25-06-2020	7	HNAD101
938	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4080718	Chuyên đề 2	3	23-06-2020	7	HNAD101
939	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4080711	Hệ thống viễn thông + BTL	3	29-06-2020	7	HNAD101
940	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4080712	Hệ thống thông tin di động + BTL	4	29-06-2020	9	HNAA208

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
941	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	03-07-2020	7	HNAD101
942	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	26/04/1998	DCCTMM61_	4080713	Lý thuyết mật mã + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB504
943	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4080704	Phương pháp tính Ưdụng chuyên ngá	2	01-07-2020	7	HNAA405
944	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4080711	Hệ thống viễn thông + BTL	3	29-06-2020	7	HNAD101
945	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD101
946	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4080731	Hệ điều hành mã nguồn mở + BTL	3	25-06-2020	4	HNAD101
947	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD402
948	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD502
949	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4080730	Xử lý tín hiệu số	2	22-06-2020	7	HNAB204
950	1721050312	Phạm Văn	Minh	28/12/1999	DCCTMM62A	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
951	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA303
952	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4010603	Tiếng Anh 3	2	25-06-2020	9	HNAA305
953	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4080731	Hệ điều hành mã nguồn mở + BTL	3	25-06-2020	4	HNAB506
954	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4080711	Hệ thống viễn thông + BTL	3	29-06-2020	7	HNAD101
955	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAB303
956	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4080621	Thương mại điện tử	2	26-06-2020	2	HNAA208
957	1721050021	Đoàn Hồng	Hải	24/05/1999	DCCTMM62C	4080730	Xử lý tín hiệu số	2	22-06-2020	7	HNAB506
958	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	01-07-2020	2	HNAA208
959	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	01-07-2020	4	HNAD101
960	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAB506
961	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAA207
962	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080219	Lý thuyết đồ thị cho tin học	2	26-06-2020	9	HNAD101
963	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	26-06-2020	2	HNAA406
964	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAB506
965	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD402
966	1821050364	Lê Minh	Hiếu	19/11/2000	DCCTMM63A	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD402
967	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD201
968	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB204
969	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD101
970	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	30-06-2020	4	HNAA303
971	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD201
972	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD101
973	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD201
974	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAD201
975	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD301

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
976	1821050181	Nguyễn Quý	Tiến	20/10/2000	DCCTMM63A	7080118	Thiết kế Website	2	24-06-2020	2	HNAB203
977	1821050060	Nguyễn Hải	Đăng	03/07/2000	DCCTMM63E	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	2	HNAB506
978	1821050060	Nguyễn Hải	Đăng	03/07/2000	DCCTMM63E	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAB506
979	1821050060	Nguyễn Hải	Đăng	03/07/2000	DCCTMM63E	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAB506
980	1821050111	Mai Phú	Thăng	13/04/2000	DCCTMM63C	7000001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	04-07-2020	4	HNAD401
981	1821050111	Mai Phú	Thăng	13/04/2000	DCCTMM63C	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD201
982	1821050111	Mai Phú	Thăng	13/04/2000	DCCTMM63C	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD401
983	1821050111	Mai Phú	Thăng	13/04/2000	DCCTMM63C	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	01-07-2020	4	HNAD101
984	1821050111	Mai Phú	Thăng	13/04/2000	DCCTMM63C	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD201
985	1421050439	Nguyễn Văn	Hưng	03/01/1996	DCCTPM59_1	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD503
986	1421050439	Nguyễn Văn	Hưng	03/01/1996	DCCTPM59_1	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
987	1421050452	Nguyễn Duy	Khánh	28/03/1995	DCCTPM59_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAB204
988	1421050452	Nguyễn Duy	Khánh	28/03/1995	DCCTPM59_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAD201
989	1421050452	Nguyễn Duy	Khánh	28/03/1995	DCCTPM59_1	4080153	Thiết kế Website	2	30-06-2020	11	HNAA208
990	1421050452	Nguyễn Duy	Khánh	28/03/1995	DCCTPM59_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	03-07-2020	2	HNAB405
991	1421050208	Trần Minh	Tiến	19/02/1996	DCCTPM59_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAD201
992	1521050070	Lù Mạnh	Cường	17/08/1996	DCCTPM60_1	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD402
993	1521050070	Lù Mạnh	Cường	17/08/1996	DCCTPM60_1	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAA208
994	1521050085	Phạm Trọng	Nhân	10/09/1994	DCCTPM60_1	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	27-06-2020	4	HNAD402
995	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	DCCTPM60_1	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tr	3	01-07-2020	2	HNAD301
996	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	DCCTPM60_1	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD402
997	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	DCCTPM60_1	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAB501
998	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	DCCTPM60_1	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
999	1521050233	Trần Thanh	Sơn	28/09/1997	DCCTPM60_1	4050302	Cơ sở viễn thám	2	24-06-2020	2	HNAB206
1000	1521050233	Trần Thanh	Sơn	28/09/1997	DCCTPM60_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAD201
1001	1521050233	Trần Thanh	Sơn	28/09/1997	DCCTPM60_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	03-07-2020	2	HNAB405
1002	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	DCCTPM60_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAB204
1003	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	DCCTPM60_1	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	27-06-2020	4	HNAD402
1004	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	DCCTPM60_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD401
1005	1521050164	Phí Đình	Thành	19/05/1997	DCCTPM60_1	4010111	Toán rời rạc	2	23-06-2020	4	HNAD301
1006	1521050145	Nguyễn Quốc	Thưởng	29/09/1997	DCCTPM60_1	4080109	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	3	29-06-2020	2	HNAA404
1007	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	29-06-2020	7	HNAA207
1008	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	DCCTPM61_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAD403
1009	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAA208
1010	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	DCCTPM61_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAB303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1011	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAD403
1012	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAA208
1013	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080102	Thực tập tin học cơ sở	3	24-06-2020	2	HNAA306
1014	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	01-07-2020	4	HNAD301
1015	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD502
1016	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4080621	Thương mại điện tử	2	26-06-2020	2	HNAA208
1017	1621050802	Đặng Ngọc	Dương	26/09/1998	DCCTPM61_1	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAB303
1018	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAA208
1019	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD502
1020	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4020103	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	11	HNAD201
1021	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1022	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4080110	Mã nguồn mở	2	27-06-2020	7	HNAB506
1023	1621050358	Vũ Xuân	Dương	25/03/1998	DCCTPM61_1	4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	2	30-06-2020	9	HNAD403
1024	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080206	Cơ sở dữ liệu	3	22-06-2020	4	HNAB504
1025	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	4	HNAA303
1026	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAD403
1027	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080115	Công nghệ phần mềm	3	29-06-2020	2	HNAB506
1028	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAA208
1029	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	03-07-2020	2	HNAB405
1030	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080126	Tin học ứng dụng	2	26-06-2020	9	HNAB501
1031	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAB303
1032	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080111	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB506
1033	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4000002	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAD101
1034	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAA405
1035	1621050156	Vũ Anh	Hà	12/10/1998	DCCTPM61_1	4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	2	30-06-2020	9	HNAD403
1036	1621050381	Nguyễn Ngọc	Hiệp	18/05/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAA208
1037	1621050381	Nguyễn Ngọc	Hiệp	18/05/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	01-07-2020	4	HNAD301
1038	1621050381	Nguyễn Ngọc	Hiệp	18/05/1998	DCCTPM61_1	4080121	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di đ	3	01-07-2020	7	HNAD201
1039	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	29-06-2020	7	HNAA207
1040	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAD201
1041	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAB207
1042	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4080153	Thiết kế Website	2	30-06-2020	11	HNAA208
1043	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAD201
1044	1621050733	Nguyễn Văn	Thắng	06/09/1998	DCCTPM61_1	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
1045	1621050308	Hoàng Đặng A	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080114	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	2	23-06-2020	9	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1046	1621050308	Hoàng Đặng Ar	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	2	25-06-2020	2	HNAB207
1047	1621050308	Hoàng Đặng Ar	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	3	03-07-2020	2	HNAB405
1048	1621050308	Hoàng Đặng Ar	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080707	Lập trình mạng	3	24-06-2020	7	HNAD401
1049	1621050308	Hoàng Đặng Ar	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080621	Thương mại điện tử	2	26-06-2020	2	HNAA207
1050	1621050308	Hoàng Đặng Ar	Tú	15/08/1998	DCCTPM61_1	4080203	Cơ sở lập trình	3	22-06-2020	4	HNAB501
1051	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080115	Công nghệ phần mềm	3	29-06-2020	2	HNAA208
1052	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080102	Thực tập tin học cơ sở	3	24-06-2020	2	HNAA306
1053	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080211	Phương pháp tính ứng dụng	2	01-07-2020	7	HNAA305
1054	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080111	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB506
1055	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080203	Cơ sở lập trình	3	22-06-2020	4	HNAA305
1056	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4000002	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAD101
1057	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080110	Mã nguồn mở	2	27-06-2020	7	HNAB506
1058	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAB501
1059	1721050501	Nguyễn Viết	Cường	22/09/1999	DCCTPM62A	4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	2	30-06-2020	9	HNAD403
1060	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	3	25-06-2020	7	HNAD401
1061	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080115	Công nghệ phần mềm	3	29-06-2020	2	HNAB506
1062	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080102	Thực tập tin học cơ sở	3	24-06-2020	2	HNAA306
1063	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	29-06-2020	9	HNAA405
1064	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAA207
1065	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAA405
1066	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080110	Mã nguồn mở	2	27-06-2020	7	HNAB506
1067	1721050404	Đỗ Khắc	Giang	23/09/1999	DCCTPM62A	4080304	Cơ sở xử lý ảnh số	2	30-06-2020	9	HNAD403
1068	1721050517	Lê Văn	Nam	15/03/1999	DCCTPM62A	4080115	Công nghệ phần mềm	3	29-06-2020	2	HNAA207
1069	1721050517	Lê Văn	Nam	15/03/1999	DCCTPM62A	4080121	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di độ	3	01-07-2020	7	HNAD201
1070	1721050517	Lê Văn	Nam	15/03/1999	DCCTPM62A	4080111	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	22-06-2020	2	HNAB204
1071	1721050517	Lê Văn	Nam	15/03/1999	DCCTPM62A	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAD201
1072	1721050567	Vương Sỹ	Vượng	25/12/1999	DCCTPM62B	4080102	Thực tập tin học cơ sở	3	24-06-2020	2	HNAB405
1073	1721050279	Nguyễn Thị	Lụa	24/03/1999	DCCTPM62C	4080117	Quản trị dự án công nghệ thông tin	2	01-07-2020	2	HNAB204
1074	1721050298	Nguyễn Quang	Thái	25/04/1998	DCCTPM62C	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAD201
1075	1721050298	Nguyễn Quang	Thái	25/04/1998	DCCTPM62C	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	24-06-2020	2	HNAB503
1076	1821050007	Phạm Minh	Hiếu	25/07/2000	DCCTPM63A	7080610	Marketing điện tử cơ bản	2	29-06-2020	4	HNAD402
1077	1821050007	Phạm Minh	Hiếu	25/07/2000	DCCTPM63A	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	9	HNAA208
1078	1821050007	Phạm Minh	Hiếu	25/07/2000	DCCTPM63A	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	29-06-2020	2	HNAD502
1079	1821050007	Phạm Minh	Hiếu	25/07/2000	DCCTPM63A	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAA207
1080	1821050007	Phạm Minh	Hiếu	25/07/2000	DCCTPM63A	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD402

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1081	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080216	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng v	2	25-06-2020	2	HNAD401
1082	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080713	Kiến trúc và hạ tầng mạng IoT	2	23-06-2020	9	HNAD402
1083	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080512	Lập trình hướng đối tượng với Java	3	23-06-2020	7	HNAD403
1084	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080113	Phân tích & thiết kế hệ thống + BTL	3	03-07-2020	2	HNAB401
1085	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080122	Trí tuệ nhân tạo + BTL	3	24-06-2020	4	HNAD503
1086	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	22-06-2020	9	HNAD403
1087	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD402
1088	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD201
1089	1821050669	Bùi Ngọc	Long	14/03/2000	DCCTPM63B	7080111	Mã nguồn mở	2	03-07-2020	4	HNAD403
1090	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	DCCTTD59_1	4080706	Mạng máy tính + BTL	3	30-06-2020	2	HNAB505
1091	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	DCCTTD59_1	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng tı	3	01-07-2020	2	HNAD301
1092	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	DCCTTD59_1	4080204	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	24-06-2020	2	HNAB503
1093	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	DCCTTD59_1	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD503
1094	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	DCCTTD59_1	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
1095	1421050216	Nguyễn Thị Qu	Trang	10/06/1996	DCCTTD59_1	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	3	24-06-2020	11	HNAD201
1096	1421050216	Nguyễn Thị Qu	Trang	10/06/1996	DCCTTD59_1	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
1097	1221020361	Nguyễn Văn	Linh	21/07/1994	DCDCCT57B	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
1098	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/1996	DCDCCT59_1	4030504	Sức bền vật liệu B	2	30-06-2020	4	HNAD502
1099	1521020065	Trịnh Công	Đạt	12/03/1995	DCDCCT60	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cư	2	27-06-2020	2	HNAB205
1100	1621020014	Kim Việt	Anh	12/12/1998	DCDCCT61	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAA208
1101	1621020014	Kim Việt	Anh	12/12/1998	DCDCCT61	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAA208
1102	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	DCDCCT61	4040111	Địa chất môi trường	2	24-06-2020	4	HNAA308
1103	1721020006	Nguyễn Công	Phi	25/08/1999	DCDCCT62	4040529	Thiết bị khảo sát trong địa chất công	2	25-06-2020	2	HNAA306
1104	1721020006	Nguyễn Công	Phi	25/08/1999	DCDCCT62	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2	25-06-2020	7	HNAB501
1105	1721020006	Nguyễn Công	Phi	25/08/1999	DCDCCT62	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	03-07-2020	7	HNAD101
1106	1721020006	Nguyễn Công	Phi	25/08/1999	DCDCCT62	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	24-06-2020	7	HNAA305
1107	1721020006	Nguyễn Công	Phi	25/08/1999	DCDCCT62	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401
1108	1721020002	Phan Anh	Tấn	08/07/1999	DCDCCT62	4040638	Động lực học nước dưới đất (dạy cho	2	29-06-2020	2	HNAA306
1109	1721020002	Phan Anh	Tấn	08/07/1999	DCDCCT62	4040501	Đất đá xây dựng và phương pháp cải	4	01-07-2020	2	HNAB206
1110	1721020002	Phan Anh	Tấn	08/07/1999	DCDCCT62	4040106	Địa chất Việt Nam	2	23-06-2020	2	HNAB504
1111	1721020002	Phan Anh	Tấn	08/07/1999	DCDCCT62	4060436	Kỹ thuật khoan	2	22-06-2020	2	HNAB401
1112	1321020436	Lê Xuân	Chiến	03/02/1995	DCDCDC_58_	4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh	2	29-06-2020	2	HNAA405
1113	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4040404	Các mỏ nhiên liệu	2	26-06-2020	2	HNAA402
1114	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1115	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4040201	Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng +'	3	22-06-2020	2	HNAA404

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1116	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4040111	Địa chất môi trường	2	24-06-2020	4	HNAA308
1117	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3	27-06-2020	7	HNAA307
1118	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	DCDCDC_59_	4050526	Trắc địa đại cương	2	23-06-2020	4	HNAA408
1119	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	4	HNAA305
1120	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2	25-06-2020	7	HNAB501
1121	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4040207	Địa chất mỏ	2	30-06-2020	2	HNAA303
1122	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA305
1123	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA305
1124	1621020005	Bùi Nguyễn Cô	Danh	28/08/1998	DCDCDC_61	4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	2	22-06-2020	4	HNAB201
1125	1721020013	Công Phương T	Anh	03/04/1999	DCDCDC_62	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4	22-06-2020	7	HNAB505
1126	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
1127	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
1128	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
1129	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
1130	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303
1131	1921020019	Vũ Tiến	Thành	24/01/2001	DCDCDCH64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB303
1132	1221020435	Nguyễn Phan	Quang	30/03/1994	DCDCNK57	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1133	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	DCDCTV60_1	4040520	Địa chất công trình chuyên môn	2	25-06-2020	4	HNAA402
1134	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/1997	DCDCTV60_1	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD502
1135	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/1997	DCDCTV60_1	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cư	2	27-06-2020	2	HNAB205
1136	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/1997	DCDCTV60_1	4040111	Địa chất môi trường	2	24-06-2020	4	HNAA308
1137	1521020331	Đinh Văn	Tuấn	19/09/1997	DCDCTV60_2	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1138	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí + ĐA	3	29-06-2020	2	HNAA406
1139	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4060234	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò	2	01-07-2020	2	HNAB503
1140	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4060213	Địa chất khai thác dầu khí + TH	3	23-06-2020	2	HNAA409
1141	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4060215	Tin học ứng dụng địa chất dầu khí +	3	23-06-2020	4	HNAB504
1142	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA405
1143	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	DCDKDC61	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí + ĐA	3	29-06-2020	2	HNAA406
1144	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	DCDKDC61	4060234	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò	2	01-07-2020	2	HNAB503
1145	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	DCDKDC61	4060213	Địa chất khai thác dầu khí + TH	3	23-06-2020	2	HNAA409
1146	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	DCDKDC61	4060215	Tin học ứng dụng địa chất dầu khí +	3	23-06-2020	4	HNAB504
1147	1621010184	Trương Sỹ	Thế	04/07/1996	DCDKDC61	7060206	Địa chất dầu khí đại cương	3	26-06-2020	2	HNAB504
1148	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7060001	Nhập môn Ngành kỹ thuật dầu khí	2	25-06-2020	2	HNAB401
1149	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7010501	Cơ học chất lỏng	2	29-06-2020	2	HNAB202
1150	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7010307	Hoá hữu cơ phần 1	2	24-06-2020	7	HNAA303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1151	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7010401	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA306
1152	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7040313	Tinh thể, khoáng vật, thạch học	3	22-06-2020	2	HNAB507
1153	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7060206	Địa chất dầu khí đại cương	3	26-06-2020	2	HNAB504
1154	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	27-06-2020	9	HNAD201
1155	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	12/03/2000	DCDKDC63	7010301	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	30-06-2020	9	HNAA305
1156	1821010127	Nguyễn Long	Vũ	31/05/2000	DCDKDC63	7010401	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA306
1157	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
1158	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
1159	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
1160	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
1161	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA208
1162	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1163	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAB303
1164	1921010050	Nguyễn Văn Ha	An	26/11/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA208
1165	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
1166	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
1167	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
1168	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
1169	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA208
1170	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1171	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAB303
1172	1921010021	Ngô Hoàng	Anh	02/07/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA208
1173	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
1174	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA208
1175	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA208
1176	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
1177	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA208
1178	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1179	1921010082	Phạm Nguyễn T	Anh	12/06/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA208
1180	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD503
1181	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
1182	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
1183	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
1184	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1185	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB506

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1186	1921010086	Phạm Văn	Doanh	01/09/2000	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB506
1187	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD502
1188	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD403
1189	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD503
1190	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD402
1191	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1192	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD201
1193	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD402
1194	1921010064	Nguyễn Minh	Hiếu	15/07/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD402
1195	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
1196	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD502
1197	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD403
1198	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
1199	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1200	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1201	1921010106	Lê Văn	Kiên	03/04/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD403
1202	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
1203	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
1204	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
1205	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
1206	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1207	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB207
1208	1921010116	Bùi Minh	Phúc	03/09/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207
1209	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD101
1210	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
1211	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD201
1212	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
1213	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1214	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD502
1215	1921010052	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD502
1216	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD401
1217	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
1218	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB303
1219	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD101
1220	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1221	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1222	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD101
1223	1921010040	Vũ Văn	Thắng	20/01/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB303
1224	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD401
1225	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
1226	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD201
1227	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD401
1228	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1229	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7040106	Địa chất cơ sở	2	22-06-2020	7	HNAA305
1230	1921010126	Nguyễn Đức	Trình	28/09/2001	DCDKDK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1231	1421010198	Trịnh Văn	Mạnh	15/02/1994	DCDKKK59_	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	03-07-2020	7	HNAD101
1232	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ r	2	25-06-2020	7	HNAA308
1233	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	4	HNAA308
1234	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4060448	Kỹ thuật mỏ dầu khí	3	29-06-2020	2	HNAB507
1235	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1236	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4060338	Hóa học dầu mỏ	2	24-06-2020	7	HNAB205
1237	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4060408	Công nghệ khai thác dầu khí 2	2	26-06-2020	2	HNAA408
1238	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	18/02/1998	DCDKKK61_	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	3	22-06-2020	2	HNAB502
1239	1321010060	Vũ Mạnh	Cường	07/07/1994	DCDKKT58_	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	30-06-2020	9	HNAA303
1240	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/1997	DCDKKT60_	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	30-06-2020	7	HNAD101
1241	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/1994	DCDKLD57A	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	2	04-07-2020	4	HNAD301
1242	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/1994	DCDKLD57A	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1243	1221010327	Trần Công	Thắng	17/03/1994	DCDKLD57B	4060318	Công nghệ lọc dầu	3	27-06-2020	2	HNAA405
1244	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/1995	DCDKLD58_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA305
1245	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/1995	DCDKLD58_	4030504	Sức bền vật liệu B	2	30-06-2020	4	HNAD502
1246	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	DCDKLD58_	4060320	Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia	2	29-06-2020	4	HNAB206
1247	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	DCDKLD58_	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	3	27-06-2020	9	HNAD101
1248	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	DCDKLD58_	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAA405
1249	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	DCDKLD60_	4060322	Công nghệ chế biến khí	3	24-06-2020	4	HNAA405
1250	1521010355	Nguyễn Xuân	Sắc	20/02/1995	DCDKLD60_	4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Poly	3	22-06-2020	2	HNAA306
1251	1521010393	Đinh Trọng	Tín	05/05/1997	DCDKLD60_	4060322	Công nghệ chế biến khí	3	24-06-2020	4	HNAA405
1252	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	DCDKLD60_	4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Poly	3	22-06-2020	2	HNAA306
1253	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	DCDKLD60_	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
1254	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	DCDKLD60_	4060318	Công nghệ lọc dầu	3	27-06-2020	2	HNAA405
1255	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	DCDKLD60_	4060322	Công nghệ chế biến khí	3	24-06-2020	4	HNAA405

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1256	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/1996	DCDKLD60_2	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD403
1257	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	2	04-07-2020	4	HNAD301
1258	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1259	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	22-06-2020	2	HNAA409
1260	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4030504	Sức bền vật liệu B	2	30-06-2020	4	HNAD502
1261	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060320	Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia	2	29-06-2020	4	HNAA402
1262	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060306	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2	26-06-2020	2	HNAB501
1263	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060318	Công nghệ lọc dầu	3	27-06-2020	2	HNAA405
1264	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất l	2	27-06-2020	4	HNAB501
1265	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình	2	24-06-2020	9	HNAA405
1266	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	30-06-2020	7	HNAD401
1267	1621010328	Nguyễn Văn	Quân	30/12/1998	DCDKLD61A	4060319	Tiếng Anh chuyên ngành	2	04-07-2020	9	HNAD301
1268	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	DCDKLD61B	7060312	Công nghệ sinh học đại cương	2	22-06-2020	4	HNAA304
1269	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	DCDKLD61B	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	24-06-2020	7	HNAA305
1270	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	DCDKLD61B	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAB303
1271	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	DCDKLD61B	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	30-06-2020	7	HNAD401
1272	1621010249	Nguyễn Minh	Phương	27/11/1997	DCDKLD61B	7090312	Kỹ thuật điện - điện tử	3	26-06-2020	9	HNAB506
1273	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060312	Công nghệ sinh học đại cương	2	22-06-2020	4	HNAA304
1274	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060333	Nhiệt động học trong Kỹ thuật Hóa h	3	23-06-2020	2	HNAA407
1275	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060332	Nhiệt động học kỹ thuật hóa học (Ph	2	29-06-2020	2	HNAB203
1276	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060330	Nhập môn kỹ thuật	2	25-06-2020	4	HNAB504
1277	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060304	Các phương pháp phân tích dụng cụ	2	22-06-2020	7	HNAA303
1278	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060302	An toàn và Kỹ thuật môi trường tron	2	24-06-2020	2	HNAA402
1279	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	27-06-2020	9	HNAA208
1280	1821010232	Nguyễn Tuấn	Anh	20/03/2000	DCDKLD63	7060306	Các quá trình thủy lực	2	26-06-2020	2	HNAB201
1281	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD402
1282	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAA207
1283	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
1284	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAA207
1285	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7010306	Hoá học vô cơ phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD403
1286	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB506
1287	1921090001	Bùi Hải	Bình	14/06/2001	DCDKLD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB506
1288	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD403
1289	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	2	HNAD402
1290	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD402

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1291	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA207
1292	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA207
1293	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7010306	Hoá học vô cơ phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD403
1294	1921010091	Nguyễn Ngọc	Dương	30/07/2001	DCDKLD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA207
1295	1521010189	Bùi Khắc	Hinh	10/05/1997	DCDKTB60_2	4010102	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAA207
1296	1521010189	Bùi Khắc	Hinh	10/05/1997	DCDKTB60_2	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
1297	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	DCKTKD60_1	4070110	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	27-06-2020	7	HNAB501
1298	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	DCKTKD60_1	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAA305
1299	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	DCKTKD60_1	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD503
1300	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	DCKTKD60_1	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA207
1301	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	DCKTKD60_1	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAB506
1302	1524010623	Bùi Thị	Thơm	29/10/1997	DCKTKD60_1	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAA405
1303	1621020709	Trần Mạnh	Hà	28/10/1998	DCKTKD61_1	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD402
1304	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh	2	29-06-2020	2	HNAA303
1305	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4070110	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	27-06-2020	7	HNAB501
1306	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAD301
1307	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4070302	Quản trị nhân lực	3	27-06-2020	4	HNAD101
1308	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAB501
1309	1624010189	Nguyễn Nam	Quân	09/06/1998	DCKTKD61A	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAD402
1310	1624010312	Trần Khánh	Linh	15/02/1998	DCKTKD61B	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD401
1311	1624010312	Trần Khánh	Linh	15/02/1998	DCKTKD61B	4070105	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	2	23-06-2020	4	HNAA409
1312	1624010312	Trần Khánh	Linh	15/02/1998	DCKTKD61B	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD503
1313	1624010312	Trần Khánh	Linh	15/02/1998	DCKTKD61B	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
1314	1624010312	Trần Khánh	Linh	15/02/1998	DCKTKD61B	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAA207
1315	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA303
1316	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1317	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAB501
1318	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4010114	Toán cao cấp 2	3	22-06-2020	7	HNAD402
1319	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAA207
1320	1624010118	Đặng Ngọc	Nghĩa	07/11/1998	DCKTKD61D	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAA207
1321	1624010329	Nguyễn Thanh	Trà	04/08/1998	DCKTKD61D	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD503
1322	1624010329	Nguyễn Thanh	Trà	04/08/1998	DCKTKD61D	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAA405
1323	1624010329	Nguyễn Thanh	Trà	04/08/1998	DCKTKD61D	4010114	Toán cao cấp 2	3	22-06-2020	7	HNAD402
1324	1824010839	Nguyễn Thị	Hiền	15/04/2000	DCKTKD63A	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD401
1325	1824010839	Nguyễn Thị	Hiền	15/04/2000	DCKTKD63A	7070314	Kinh tế phát triển	2	01-07-2020	4	HNAD503

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1326	1824010839	Nguyễn Thị	Hiền	15/04/2000	DCKTKD63A	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAB503
1327	1824010839	Nguyễn Thị	Hiền	15/04/2000	DCKTKD63A	7070310	Kinh tế công nghiệp	3	04-07-2020	9	HNAD401
1328	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7010603	Tiếng Anh 3	2	26-06-2020	9	HNAA305
1329	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD503
1330	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7110220	Môi trường và con người	2	23-06-2020	7	HNAD401
1331	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD301
1332	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD403
1333	1824010908	Trịnh Phương T	My	17/07/2000	DCKTKD63A	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAA408
1334	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	17/06/2000	DCKTKD63A	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD101
1335	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	17/06/2000	DCKTKD63A	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD301
1336	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	17/06/2000	DCKTKD63A	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD201
1337	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	17/06/2000	DCKTKD63A	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD502
1338	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	17/06/2000	DCKTKD63A	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAB207
1339	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD403
1340	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD301
1341	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAB202
1342	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD403
1343	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAA207
1344	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD403
1345	1824010437	Đoàn Duy	Nhất	04/06/2000	DCKTKD63B	7070310	Kinh tế công nghiệp	3	04-07-2020	9	HNAD401
1346	1924010480	Trần Thị	Đan	23/06/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA207
1347	1924010480	Trần Thị	Đan	23/06/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB506
1348	1924010480	Trần Thị	Đan	23/06/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD503
1349	1924010480	Trần Thị	Đan	23/06/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA207
1350	1924010480	Trần Thị	Đan	23/06/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB506
1351	1921011047	Triệu Tiến	Đạt	14/10/2000	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA207
1352	1921011047	Triệu Tiến	Đạt	14/10/2000	DCKTKD64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA207
1353	1921011047	Triệu Tiến	Đạt	14/10/2000	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD503
1354	1921011047	Triệu Tiến	Đạt	14/10/2000	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA207
1355	1921011047	Triệu Tiến	Đạt	14/10/2000	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB506
1356	1924010462	Nguyễn Việt	Dũng	11/05/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB506
1357	1924010462	Nguyễn Việt	Dũng	11/05/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB506
1358	1924010462	Nguyễn Việt	Dũng	11/05/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD503
1359	1924010462	Nguyễn Việt	Dũng	11/05/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA207
1360	1924010462	Nguyễn Việt	Dũng	11/05/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB506

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1361	1924010628	Vũ Thị Hải	Huê	23/02/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAA207
1362	1924010628	Vũ Thị Hải	Huê	23/02/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD502
1363	1924010628	Vũ Thị Hải	Huê	23/02/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD402
1364	1924010628	Vũ Thị Hải	Huê	23/02/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD402
1365	1924010628	Vũ Thị Hải	Huê	23/02/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD503
1366	1924010891	Hoàng Thị Hồn	Nhung	19/11/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD502
1367	1924010891	Hoàng Thị Hồn	Nhung	19/11/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD403
1368	1924010891	Hoàng Thị Hồn	Nhung	19/11/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1369	1924010891	Hoàng Thị Hồn	Nhung	19/11/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB204
1370	1924010891	Hoàng Thị Hồn	Nhung	19/11/2001	DCKTKD64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB207
1371	1924010900	Văn Thị Hồng	Nhung	10/11/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD502
1372	1924010900	Văn Thị Hồng	Nhung	10/11/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD403
1373	1924010900	Văn Thị Hồng	Nhung	10/11/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1374	1924010900	Văn Thị Hồng	Nhung	10/11/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB204
1375	1924010900	Văn Thị Hồng	Nhung	10/11/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207
1376	1924010911	Bùi Văn	Phúc	07/09/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD502
1377	1924010911	Bùi Văn	Phúc	07/09/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD403
1378	1924010911	Bùi Văn	Phúc	07/09/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1379	1924010911	Bùi Văn	Phúc	07/09/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB207
1380	1924010911	Bùi Văn	Phúc	07/09/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207
1381	1924010990	Nguyễn Quang	Thái	10/11/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303
1382	1924010990	Nguyễn Quang	Thái	10/11/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1383	1924010990	Nguyễn Quang	Thái	10/11/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1384	1924010990	Nguyễn Quang	Thái	10/11/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD502
1385	1924010990	Nguyễn Quang	Thái	10/11/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1386	1924011020	Nguyễn Phương	Thảo	08/02/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303
1387	1924011020	Nguyễn Phương	Thảo	08/02/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1388	1924011020	Nguyễn Phương	Thảo	08/02/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1389	1924011020	Nguyễn Phương	Thảo	08/02/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD502
1390	1924011020	Nguyễn Phương	Thảo	08/02/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1391	1924011282	Nguyễn Thu	Trang	17/12/2001	DCKTKD64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1392	1924011282	Nguyễn Thu	Trang	17/12/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1393	1924011282	Nguyễn Thu	Trang	17/12/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1394	1924011282	Nguyễn Thu	Trang	17/12/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1395	1924011282	Nguyễn Thu	Trang	17/12/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD101

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1396	1924011152	Vũ Xuân	Trường	25/07/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1397	1924011152	Vũ Xuân	Trường	25/07/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1398	1924011152	Vũ Xuân	Trường	25/07/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1399	1924011152	Vũ Xuân	Trường	25/07/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1400	1924011152	Vũ Xuân	Trường	25/07/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1401	1924011315	Trần Lưu	Vân	28/02/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1402	1924011315	Trần Lưu	Vân	28/02/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1403	1924011315	Trần Lưu	Vân	28/02/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1404	1924011315	Trần Lưu	Vân	28/02/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD101
1405	1924011315	Trần Lưu	Vân	28/02/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1406	1924011207	Vũ Chu	Vương	27/01/2001	DCKTKD64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1407	1924011207	Vũ Chu	Vương	27/01/2001	DCKTKD64A	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1408	1924011207	Vũ Chu	Vương	27/01/2001	DCKTKD64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1409	1924011207	Vũ Chu	Vương	27/01/2001	DCKTKD64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD101
1410	1924011207	Vũ Chu	Vương	27/01/2001	DCKTKD64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1411	1924010414	Đặng Lê	Bách	24/07/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAA208
1412	1924010414	Đặng Lê	Bách	24/07/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA208
1413	1924010414	Đặng Lê	Bách	24/07/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAA208
1414	1924010414	Đặng Lê	Bách	24/07/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD402
1415	1924010414	Đặng Lê	Bách	24/07/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA208
1416	1924010726	Nguyễn Hoa Ph	Lâm	14/07/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1417	1924010726	Nguyễn Hoa Ph	Lâm	14/07/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1418	1924010726	Nguyễn Hoa Ph	Lâm	14/07/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1419	1924010726	Nguyễn Hoa Ph	Lâm	14/07/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD503
1420	1924010726	Nguyễn Hoa Ph	Lâm	14/07/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD402
1421	1924010714	Doãn Thị	Lan	02/01/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1422	1924010714	Doãn Thị	Lan	02/01/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1423	1924010714	Doãn Thị	Lan	02/01/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1424	1924010714	Doãn Thị	Lan	02/01/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD503
1425	1924010714	Doãn Thị	Lan	02/01/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD402
1426	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7010115	Toán cao cấp 2	3	22-06-2020	7	HNAD301
1427	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD403
1428	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1429	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1430	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1431	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD403
1432	1924011254	Nguyễn Hoài	Linh	01/10/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD503
1433	1924010975	Phạm Trường	Sinh	02/10/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD502
1434	1924010975	Phạm Trường	Sinh	02/10/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1435	1924010975	Phạm Trường	Sinh	02/10/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1436	1924010975	Phạm Trường	Sinh	02/10/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1437	1924010151	Trần	Thịnh	19/04/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303
1438	1924010151	Trần	Thịnh	19/04/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1439	1924010151	Trần	Thịnh	19/04/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB207
1440	1924010151	Trần	Thịnh	19/04/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1441	1924010151	Trần	Thịnh	19/04/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD502
1442	1924011059	Nguyễn Thị Bíc	Thuỷ	08/01/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1443	1924011059	Nguyễn Thị Bíc	Thuỷ	08/01/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1444	1924011059	Nguyễn Thị Bíc	Thuỷ	08/01/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB207
1445	1924011059	Nguyễn Thị Bíc	Thuỷ	08/01/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1446	1924011059	Nguyễn Thị Bíc	Thuỷ	08/01/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD502
1447	1924011145	Trần Hữu	Trung	04/01/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1448	1924011145	Trần Hữu	Trung	04/01/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1449	1924011145	Trần Hữu	Trung	04/01/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1450	1924011145	Trần Hữu	Trung	04/01/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD101
1451	1924011145	Trần Hữu	Trung	04/01/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1452	1924011164	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/09/2001	DCKTKD64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1453	1924011164	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/09/2001	DCKTKD64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1454	1924011164	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/09/2001	DCKTKD64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1455	1924011164	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/09/2001	DCKTKD64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1456	1924011164	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/09/2001	DCKTKD64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1457	1524010054	Bùi Sơn Tùng	Anh	05/05/1997	DCKTKDD60	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAA208
1458	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAA208
1459	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD401
1460	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAA208
1461	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAB404
1462	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAA208
1463	1824010077	Nguyễn Thị Ma	Anh	16/03/2000	DCKTKDM63	7070310	Kinh tế công nghiệp	3	04-07-2020	9	HNAD401
1464	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070226	Quản trị thương mại điện tử căn bản	3	23-06-2020	2	HNAD301
1465	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAD403

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1466	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	4070110	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	27-06-2020	7	HNAB501
1467	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD503
1468	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD503
1469	1824010038	Đỗ Khắc	Long	30/10/2000	DCKTKDTM0	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAA207
1470	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070226	Quản trị thương mại điện tử căn bản	3	23-06-2020	2	HNAD301
1471	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD503
1472	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7110220	Môi trường và con người	2	23-06-2020	7	HNAD401
1473	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3	03-07-2020	2	HNAD301
1474	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAA207
1475	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD503
1476	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD403
1477	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	27-06-2020	7	HNAD201
1478	1824010197	Nguyễn Thị Hồ	Nga	18/02/2000	DCKTKDTM0	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAA408
1479	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7000001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	04-07-2020	4	HNAD401
1480	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070226	Quản trị thương mại điện tử căn bản	3	23-06-2020	2	HNAD301
1481	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD101
1482	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
1483	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7110220	Môi trường và con người	2	23-06-2020	7	HNAD401
1484	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD502
1485	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD201
1486	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070214	Quản trị học	3	29-06-2020	4	HNAB207
1487	1824010940	Vũ Thị	Trang	30/10/2000	DCKTKDTM0	7070101	Kinh doanh quốc tế	2	27-06-2020	9	HNAB505
1488	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	DCKTKT_60_	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAA305
1489	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	DCKTKT_60_	7110112	Môi trường và phát triển bền vững	2	03-07-2020	9	HNAD503
1490	1624010630	Lộ Thị	Nhàn	06/08/1998	DCKTKT_61_	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAD402
1491	1624010923	Nguyễn Thu	Giang	04/11/1998	DCKTKT_61_	4070104	Nguyên lý thống kê	2	22-06-2020	7	HNAB501
1492	1624010689	Dương Thị Cẩn	Nhung	11/01/1998	DCKTKT_61_	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doa	3	22-06-2020	4	HNAA303
1493	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAD301
1494	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4070404	Kế toán tài chính 2	3	25-06-2020	4	HNAD301
1495	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAD201
1496	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAD503
1497	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAD201
1498	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4070109	Kinh doanh quốc tế	2	04-07-2020	2	HNAD401
1499	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAD201
1500	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_620	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1501	1724010845	Lê Thị	Thoa	04/05/1998	DCKTKT_62C	7070310	Kinh tế công nghiệp	3	04-07-2020	9	HNAD401
1502	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070104	Nguyên lý thống kê	2	22-06-2020	7	HNAB501
1503	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAB303
1504	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070404	Kế toán tài chính 2	3	23-06-2020	2	HNAB207
1505	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAA208
1506	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAA208
1507	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070412	Kế toán máy	2	27-06-2020	2	HNAD301
1508	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	DCKTKT_62I	4070303	Kinh tế công nghiệp	3	24-06-2020	4	HNAA303
1509	1721011031	Vũ Thị Thùy	Linh	07/11/1999	DCKTKT_62I	4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh	2	29-06-2020	2	HNAA303
1510	1721011031	Vũ Thị Thùy	Linh	07/11/1999	DCKTKT_62I	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA303
1511	1721011031	Vũ Thị Thùy	Linh	07/11/1999	DCKTKT_62I	4070412	Kế toán máy	2	27-06-2020	2	HNAD301
1512	1721011031	Vũ Thị Thùy	Linh	07/11/1999	DCKTKT_62I	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	22-06-2020	7	HNAB303
1513	1721011031	Vũ Thị Thùy	Linh	07/11/1999	DCKTKT_62I	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAA207
1514	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070404	Kế toán tài chính 2	3	23-06-2020	2	HNAD401
1515	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070205	Marketing căn bản	3	22-06-2020	9	HNAD301
1516	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAD503
1517	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAD201
1518	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070107	Luật kinh tế	2	03-07-2020	9	HNAD201
1519	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	22-06-2020	7	HNAB303
1520	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	26-06-2020	4	HNAB501
1521	1724010133	Nguyễn Thị	Thủy	31/05/1999	DCKTKT_62I	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401
1522	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAD503
1523	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAA207
1524	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAA207
1525	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAA207
1526	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAB506
1527	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAB506
1528	1824010372	Trần Thị Thuý	Hạnh	20/09/1998	DCKTKT_63A	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAA207
1529	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7010603	Tiếng Anh 3	2	26-06-2020	9	HNAA305
1530	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAD403
1531	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD403
1532	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD403
1533	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7000005	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAB506
1534	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD403
1535	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAD402

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1536	1824010377	Vũ Thị Linh	Nhi	05/12/2000	DCKTKT_63A	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAB204
1537	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAD403
1538	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD402
1539	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7010115	Toán cao cấp 2	3	22-06-2020	7	HNAD301
1540	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	4010607	Tiếng Trung 1	2	25-06-2020	9	HNAA207
1541	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD503
1542	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD402
1543	1824010917	Hoàng Phương	Linh	19/04/2000	DCKTKT_63I	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAA207
1544	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070215	Quản trị học	3	23-06-2020	2	HNAB303
1545	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAD403
1546	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD403
1547	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD403
1548	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAD402
1549	1824010976	Trần Thị	Nguyệt	17/03/2000	DCKTKT_63I	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAB204
1550	1824010677	Nguyễn Minh	Hằng	25/12/2000	DCKTKT_63I	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAD503
1551	1824010677	Nguyễn Minh	Hằng	25/12/2000	DCKTKT_63I	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAA207
1552	1824010677	Nguyễn Minh	Hằng	25/12/2000	DCKTKT_63I	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAB506
1553	1824010677	Nguyễn Minh	Hằng	25/12/2000	DCKTKT_63I	7000006	Tiếng Việt thực hành	2	22-06-2020	2	HNAB404
1554	1824010677	Nguyễn Minh	Hằng	25/12/2000	DCKTKT_63I	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAA207
1555	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070215	Quản trị học	3	23-06-2020	7	HNAB204
1556	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAA208
1557	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAA208
1558	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070207	Marketing căn bản	3	30-06-2020	4	HNAA208
1559	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAA208
1560	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070109	Nguyên lý thống kê	2	03-07-2020	7	HNAA208
1561	1824010407	Trần Ngọc	Ánh	27/04/1999	DCKTKT_63C	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAA208
1562	1824010434	Nguyễn Thị Th	Hiền	29/08/2000	DCKTKT_63C	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAA207
1563	1824010434	Nguyễn Thị Th	Hiền	29/08/2000	DCKTKT_63C	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAB501
1564	1824010434	Nguyễn Thị Th	Hiền	29/08/2000	DCKTKT_63C	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAB506
1565	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7070215	Quản trị học	3	29-06-2020	2	HNAB204
1566	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7010115	Toán cao cấp 2	3	22-06-2020	7	HNAD301
1567	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	4070404	Kế toán tài chính 2	3	25-06-2020	4	HNAD301
1568	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7070107	Luật Kinh tế	2	24-06-2020	9	HNAD502
1569	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7070432	Nguyên lý kế toán	3	24-06-2020	7	HNAD201
1570	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7070436	Tài chính tiền tệ	3	26-06-2020	4	HNAB303

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1571	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	4070406	Tài chính doanh nghiệp	3	30-06-2020	9	HNAD503
1572	1721040011	Phan Minh	Tuấn	21/01/1999	DCKTKT63A	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	27-06-2020	4	HNAD201
1573	1924010929	Nguyễn Thị Th	Phương	15/09/2001	DCKTKT64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1574	1924010929	Nguyễn Thị Th	Phương	15/09/2001	DCKTKT64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD502
1575	1924010929	Nguyễn Thị Th	Phương	15/09/2001	DCKTKT64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD502
1576	1924010929	Nguyễn Thị Th	Phương	15/09/2001	DCKTKT64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1577	1924010929	Nguyễn Thị Th	Phương	15/09/2001	DCKTKT64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1578	1924010314	Nguyễn Thị	Trang	05/11/2001	DCKTKT64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1579	1924010314	Nguyễn Thị	Trang	05/11/2001	DCKTKT64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1580	1924010314	Nguyễn Thị	Trang	05/11/2001	DCKTKT64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1581	1924010314	Nguyễn Thị	Trang	05/11/2001	DCKTKT64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB207
1582	1924010314	Nguyễn Thị	Trang	05/11/2001	DCKTKT64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD101
1583	1924011351	Nguyễn Thị Hu	Trang	20/10/2001	DCKTKT64A	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1584	1924011351	Nguyễn Thị Hu	Trang	20/10/2001	DCKTKT64A	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1585	1924011351	Nguyễn Thị Hu	Trang	20/10/2001	DCKTKT64A	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1586	1924011351	Nguyễn Thị Hu	Trang	20/10/2001	DCKTKT64A	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB207
1587	1924011351	Nguyễn Thị Hu	Trang	20/10/2001	DCKTKT64A	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD101
1588	1924010033	Đỗ Thị	Chuyên	13/01/2000	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD503
1589	1924010033	Đỗ Thị	Chuyên	13/01/2000	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB506
1590	1924010033	Đỗ Thị	Chuyên	13/01/2000	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB506
1591	1924010033	Đỗ Thị	Chuyên	13/01/2000	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA207
1592	1924010033	Đỗ Thị	Chuyên	13/01/2000	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB506
1593	1921050210	Nguyễn Thị	Hà	25/12/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA207
1594	1921050210	Nguyễn Thị	Hà	25/12/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAA207
1595	1921050210	Nguyễn Thị	Hà	25/12/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD403
1596	1921050210	Nguyễn Thị	Hà	25/12/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD402
1597	1924010565	Lê Thị Ngọc	Hân	30/05/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAA207
1598	1924010565	Lê Thị Ngọc	Hân	30/05/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAA207
1599	1924010565	Lê Thị Ngọc	Hân	30/05/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD403
1600	1924010565	Lê Thị Ngọc	Hân	30/05/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD402
1601	1924010565	Lê Thị Ngọc	Hân	30/05/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD402
1602	1924010689	Trần Thị	Hương	27/09/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1603	1924010689	Trần Thị	Hương	27/09/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1604	1924010689	Trần Thị	Hương	27/09/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD503
1605	1924010689	Trần Thị	Hương	27/09/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD503

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1606	1924010689	Trần Thị	Hương	27/09/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD402
1607	1924010724	Đinh Phúc	Lâm	14/12/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1608	1924010724	Đinh Phúc	Lâm	14/12/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1609	1924010724	Đinh Phúc	Lâm	14/12/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1610	1924010724	Đinh Phúc	Lâm	14/12/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD503
1611	1924010724	Đinh Phúc	Lâm	14/12/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD402
1612	1924010805	Lê Ngọc	Mai	02/08/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD403
1613	1924010805	Lê Ngọc	Mai	02/08/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAB207
1614	1924010805	Lê Ngọc	Mai	02/08/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1615	1924010805	Lê Ngọc	Mai	02/08/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB204
1616	1924010805	Lê Ngọc	Mai	02/08/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD503
1617	1924010970	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/10/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD502
1618	1924010970	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/10/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1619	1924010970	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/10/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB207
1620	1924010970	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/10/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1621	1924010970	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/10/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1622	1924011303	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB303
1623	1924011303	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD201
1624	1924011303	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD401
1625	1924011303	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD502
1626	1924011303	Phạm Thị Thu	Thảo	29/01/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAB204
1627	1924011184	Trần Mỹ	Uyên	20/10/2001	DCKTKT64B	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1628	1924011184	Trần Mỹ	Uyên	20/10/2001	DCKTKT64B	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1629	1924011184	Trần Mỹ	Uyên	20/10/2001	DCKTKT64B	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1630	1924011184	Trần Mỹ	Uyên	20/10/2001	DCKTKT64B	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1631	1924011184	Trần Mỹ	Uyên	20/10/2001	DCKTKT64B	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1632	1924010331	Nguyễn Cầm T	Lâm	19/11/1998	DCKTTN64	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD403
1633	1924010331	Nguyễn Cầm T	Lâm	19/11/1998	DCKTTN64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1634	1924010331	Nguyễn Cầm T	Lâm	19/11/1998	DCKTTN64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1635	1924010331	Nguyễn Cầm T	Lâm	19/11/1998	DCKTTN64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD403
1636	1924010331	Nguyễn Cầm T	Lâm	19/11/1998	DCKTTN64	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD402
1637	1924011167	Chẩu Xuân	Tùng	28/02/2001	DCKTTN64	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAD401
1638	1924011167	Chẩu Xuân	Tùng	28/02/2001	DCKTTN64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1639	1924011167	Chẩu Xuân	Tùng	28/02/2001	DCKTTN64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1640	1924011167	Chẩu Xuân	Tùng	28/02/2001	DCKTTN64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1641	1924011167	Chẩu Xuân	Tùng	28/02/2001	DCKTTN64	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27-06-2020	2	HNAD502
1642	1021040013	Hoàng Trọng	Bách	17/07/1990	DCMOKT55D	4070305	Kinh tế môi trường	2	22-06-2020	2	HNAA305
1643	1021040013	Hoàng Trọng	Bách	17/07/1990	DCMOKT55D	4000002	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAD101
1644	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	03-07-2020	2	HNAB202
1645	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAA208
1646	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	26-06-2020	7	HNAA208
1647	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1648	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	7	HNAA306
1649	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	DCMOKT60B	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA305
1650	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7030213	Mở vỉa và khai thác than hầm lò	3	26-06-2020	4	HNAA308
1651	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7030214	Nhập môn kỹ thuật khai thác hầm lò	2	23-06-2020	2	HNAA303
1652	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7030405	Cơ sở tuyển khoáng	2	26-06-2020	2	HNAA308
1653	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7030103	Các quá trình sản xuất trên mỏ lộ thi	3	24-06-2020	4	HNAB501
1654	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7050526	Trắc địa đại cương và trắc địa mỏ	2	22-06-2020	2	HNAA402
1655	1821040065	Hà Văn	Học	17/03/2000	DCMOKT63	7030112	Nhập môn kỹ thuật khai thác lộ thiên	2	22-06-2020	4	HNAB205
1656	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7000001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	04-07-2020	4	HNAD401
1657	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7030213	Mở vỉa và khai thác than hầm lò	3	26-06-2020	4	HNAA308
1658	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7030214	Nhập môn kỹ thuật khai thác hầm lò	2	23-06-2020	2	HNAA303
1659	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7090527	Máy và thiết bị khai thác	2	25-06-2020	2	HNAB206
1660	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7030405	Cơ sở tuyển khoáng	2	26-06-2020	2	HNAA308
1661	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7030103	Các quá trình sản xuất trên mỏ lộ thi	3	24-06-2020	4	HNAB501
1662	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7050526	Trắc địa đại cương và trắc địa mỏ	2	22-06-2020	2	HNAA402
1663	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	02/01/1999	DCMOKT63	7030112	Nhập môn kỹ thuật khai thác lộ thiên	2	22-06-2020	4	HNAB205
1664	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1665	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
1666	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAA207
1667	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7010504	Cơ lý thuyết	2	04-07-2020	2	HNAA306
1668	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7010402	Hình họa và vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	9	HNAA308
1669	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD503
1670	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD502
1671	1921040074	Nguyễn Văn	Huy	02/10/2001	DCMOMO64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD503
1672	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAB207
1673	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
1674	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB207
1675	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7010504	Cơ lý thuyết	2	04-07-2020	2	HNAA306

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1676	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1677	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7010402	Hình họa và vẽ kỹ thuật	2	27-06-2020	9	HNAA308
1678	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB207
1679	1921040053	Phạm Quý	Ninh	12/08/2001	DCMOMO64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207
1680	1121070006	Nguyễn Văn	Đồng	10/12/1993	DCMONM56	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2	04-07-2020	4	HNAA305
1681	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4030430	Thực tập thăm quan	1	29-06-2020	4	HNAA308
1682	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4090539	Máy thủy khí	2	22-06-2020	2	HNAB405
1683	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAD201
1684	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1685	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4030401	Chuẩn bị khoáng sản	4	24-06-2020	9	HNAA409
1686	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	DCMOTK62	4030413	Tiếng Anh chuyên ngành tuyển khoá	2	26-06-2020	2	HNAB202
1687	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1688	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
1689	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
1690	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7010502	Cơ học kỹ thuật	2	23-06-2020	2	HNAB202
1691	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7010306	Hoá học vô cơ phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD403
1692	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7030506	Sức bền vật liệu 1	3	27-06-2020	2	HNAA407
1693	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7010308	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	24-06-2020	9	HNAA305
1694	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB207
1695	1921040010	Nguyễn Thế	Nam	13/03/2001	DCMOTK64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207
1696	1521080174	Đoàn Thị	Huyền	30/10/1997	DCMTDS60_	4110102	Phân tích môi trường	2	23-06-2020	4	HNAB201
1697	1621080709	Đỗ Thị	Hằng	28/12/1998	DCMTDS61_	4110221	Mô hình hóa trong công nghệ môi tru	2	01-07-2020	4	HNAB205
1698	1821080074	Ngô Thị Thanh	Hương	10/10/2000	DCMTDS63	7110206	Cơ sở Địa sinh thái - Địa môi trường	2	29-06-2020	2	HNAB502
1699	1821080074	Ngô Thị Thanh	Hương	10/10/2000	DCMTDS63	7010308	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	24-06-2020	9	HNAA305
1700	1821080074	Ngô Thị Thanh	Hương	10/10/2000	DCMTDS63	7110117	Quá trình chuyển khối trong CNMT	3	22-06-2020	9	HNAB504
1701	1821080074	Ngô Thị Thanh	Hương	10/10/2000	DCMTDS63	7010108	Logic đại cương	3	22-06-2020	7	HNAD503
1702	1621080067	Phạm Trường	Giang	21/07/1998	DCMTKT61_	4110307	Công nghệ môi trường trong công ng	3	01-07-2020	2	HNAA406
1703	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	22/06/1998	DCMTKT61_	4110323	Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất th	2	23-06-2020	4	HNAB503
1704	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	22/06/1998	DCMTKT61_	4110307	Công nghệ môi trường trong công ng	3	01-07-2020	2	HNAA406
1705	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	22/06/1998	DCMTKT61_	4110320	Công cụ mô hình hóa trong môi trườ	2	01-07-2020	4	HNAB504
1706	1621080006	Bế Thị	Chinh	07/10/1998	DCMTKT61_	7110238	Vi hóa sinh môi trường	3	23-06-2020	2	HNAA307
1707	1621080006	Bế Thị	Chinh	07/10/1998	DCMTKT61_	4110323	Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất th	2	23-06-2020	4	HNAB503
1708	1621080006	Bế Thị	Chinh	07/10/1998	DCMTKT61_	4110320	Công cụ mô hình hóa trong môi trườ	2	01-07-2020	4	HNAB504
1709	1721080015	Nguyễn Văn	Tú	13/02/1999	DCMTKT62	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	3	27-06-2020	9	HNAD101
1710	1721080015	Nguyễn Văn	Tú	13/02/1999	DCMTKT62	4010103	Giải tích 2	3	23-06-2020	7	HNAA208

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1711	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
1712	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1713	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD503
1714	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
1715	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAB207
1716	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD503
1717	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAB207
1718	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7010303	Hóa đại cương phần 2	2	30-06-2020	9	HNAA308
1719	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD503
1720	1921080006	Nguyễn Thị	Hương	19/03/2000	DCMTMT64	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
1721	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD201
1722	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1723	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
1724	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAB207
1725	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
1726	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1727	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD502
1728	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7010303	Hóa đại cương phần 2	2	30-06-2020	9	HNAA308
1729	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD403
1730	1921080023	Phạm Nhật	Linh	24/10/2001	DCMTMT64	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD101
1731	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1732	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
1733	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
1734	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD502
1735	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
1736	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB204
1737	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7010303	Hóa đại cương phần 2	2	30-06-2020	9	HNAA308
1738	1921080020	Nguyễn Đức	Mạnh	16/12/2001	DCMTMT64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB204
1739	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/1997	DCTDBD60_2	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAA208
1740	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/1997	DCTDBD60_2	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
1741	1521030002	Phạm Văn	Hải	27/06/1997	DCTDBD60_2	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	22-06-2020	4	HNAB503
1742	1421030460	Vũ Công	Minh	30/09/1996	DCTDDC59_2	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAD401
1743	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	DCTDDD60	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	30-06-2020	9	HNAA303
1744	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	DCTDDD60	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	22-06-2020	2	HNAA409
1745	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	DCTDDD60	4030504	Sức bền vật liệu B	2	30-06-2020	4	HNAD502

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1746	1621030159	Hứa Việt	Linh	08/02/1998	DCTDDD61A	4050607	Định giá bất động sản + BTL	3	25-06-2020	4	HNAA405
1747	1621030159	Hứa Việt	Linh	08/02/1998	DCTDDD61A	4050632	Quy hoạch sử dụng đất	2	23-06-2020	9	HNAA305
1748	1621030159	Hứa Việt	Linh	08/02/1998	DCTDDD61A	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1749	1621030159	Hứa Việt	Linh	08/02/1998	DCTDDD61A	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
1750	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4050607	Định giá bất động sản + BTL	3	25-06-2020	4	HNAA405
1751	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	7050626	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	29-06-2020	7	HNAA303
1752	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	23-06-2020	7	HNAA405
1753	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4050632	Quy hoạch sử dụng đất	2	23-06-2020	9	HNAA305
1754	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4050643	Quản lý nhà nước về đất đai	2	29-06-2020	4	HNAB504
1755	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAB501
1756	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	2	03-07-2020	11	HNAB501
1757	1721030136	Phan Viết	Hải	28/11/1999	DCTDQD62	4070102	Kinh tế vĩ mô	3	04-07-2020	4	HNAB505
1758	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7050711	Địa lý kinh tế xã hội	2	22-06-2020	7	HNAA308
1759	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB506
1760	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7050620	Học phần nhập môn kỹ thuật	3	29-06-2020	2	HNAB405
1761	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7000005	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAA208
1762	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD402
1763	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB506
1764	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	22-06-2020	2	HNAA406
1765	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	27-06-2020	7	HNAA208
1766	1921030076	Nguyễn Võ	Bảo	07/07/2000	DCTDQD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB506
1767	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAD403
1768	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7050620	Học phần nhập môn kỹ thuật	3	29-06-2020	2	HNAB405
1769	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD403
1770	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1771	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD403
1772	1921030066	Hà Nhật	Linh	21/09/1999	DCTDQD64	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	22-06-2020	2	HNAA406
1773	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7050711	Địa lý kinh tế xã hội	2	22-06-2020	7	HNAA308
1774	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAB204
1775	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7050620	Học phần nhập môn kỹ thuật	3	29-06-2020	2	HNAB405
1776	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7000005	Tâm lý học đại cương	2	04-07-2020	2	HNAB506
1777	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB204
1778	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD201
1779	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	22-06-2020	2	HNAA406
1780	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB204

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1781	1921030111	Cao Việt	Long	29/07/2001	DCTDQD64	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	27-06-2020	7	HNAA208
1782	1921030154	Nguyễn Minh	Phước	14/02/1999	DCTDQD64	7050620	Học phần nhập môn kỹ thuật	3	29-06-2020	2	HNAB405
1783	1921030154	Nguyễn Minh	Phước	14/02/1999	DCTDQD64	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD101
1784	1921030154	Nguyễn Minh	Phước	14/02/1999	DCTDQD64	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	22-06-2020	2	HNAA406
1785	1421030139	Nguyễn Văn	Nam	15/11/1996	DCTDTD_59_	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3	27-06-2020	7	HNAA307
1786	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	29-06-2020	4	HNAB505
1787	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	23-06-2020	11	HNAB506
1788	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4050205	Thiên văn cầu và định vị thiên văn	2	23-06-2020	9	HNAA303
1789	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3	27-06-2020	7	HNAA304
1790	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAA207
1791	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD402
1792	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA405
1793	1621030113	Trần Anh	Hiếu	26/08/1998	DCTDTD_61_	4050103	Trắc địa công trình thành phố công n	4	03-07-2020	2	HNAB504
1794	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	DCTDTD_61_	7100120	Nhập môn Kỹ thuật xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA403
1795	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	DCTDTD_61_	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303
1796	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	DCTDTD_61_	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA308
1797	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	DCTDTD_61_	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA308
1798	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	DCTDTD_61_	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAB501
1799	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	25-06-2020	4	HNAB507
1800	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4050205	Thiên văn cầu và định vị thiên văn	2	23-06-2020	9	HNAA303
1801	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAD101
1802	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	01-07-2020	4	HNAD403
1803	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	3	26-06-2020	11	HNAD201
1804	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4010105	Xác suất thống kê	2	23-06-2020	2	HNAD503
1805	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4050103	Trắc địa công trình thành phố công n	4	03-07-2020	2	HNAB205
1806	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	29-06-2020	7	HNAD403
1807	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
1808	1621030048	Nguyễn Trọng	Thắng	07/01/1998	DCTDTD_61_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
1809	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	DCTDTD_61_	7010204	Vật lý đại cương 1	4	30-06-2020	2	HNAD502
1810	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	DCTDTD_61_	4050112	ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc đ	2	29-06-2020	2	HNAA407
1811	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	DCTDTD_61_	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2	24-06-2020	2	HNAB404
1812	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	DCTDTD_61_	4050103	Trắc địa công trình thành phố công n	4	03-07-2020	2	HNAB504
1813	1621030042	Phạm Đức	Long	04/03/1998	DCTDTD_61_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
1814	1721030146	Bùi Tiến	Đạt	25/02/1998	DCTDTD_62	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA305
1815	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	25-06-2020	4	HNAB507

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1816	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	23-06-2020	7	HNAA303
1817	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	25-06-2020	2	HNAA404
1818	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD503
1819	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	01-07-2020	4	HNAD403
1820	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1821	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
1822	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050202	Xây dựng lưới trắc địa	3	26-06-2020	7	HNAB501
1823	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	24-06-2020	7	HNAA405
1824	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	13/11/1999	DCTDTD_62	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	29-06-2020	7	HNAD403
1825	1721040041	Lê Phúc	Thành	05/11/1999	DCTDTD_62	7050404	Lý thuyết sai số + BTL	3	22-06-2020	9	HNAB505
1826	1721030067	Đào Duy	Thiện	22/03/1999	DCTDTD_62	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	25-06-2020	4	HNAB507
1827	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4010109	Logic đại cương	2	22-06-2020	9	HNAD201
1828	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1829	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	7010601	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	7	HNAD301
1830	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4050103	Trắc địa công trình thành phố công n	4	03-07-2020	2	HNAB205
1831	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30-06-2020	7	HNAD301
1832	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	29-06-2020	7	HNAD403
1833	1821030037	Lê Thế	Trung	23/08/1999	DCTDTD_63	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAD101
1834	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAD403
1835	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	04-07-2020	4	HNAA208
1836	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAA208
1837	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAA208
1838	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7010120	Xác suất thống kê	3	22-06-2020	4	HNAA208
1839	1921030089	Nguyễn Vương	Anh	28/10/2001	DCTDTD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAA208
1840	1521030081	Trần Minh	Hiếu	25/06/1997	DCTDTM60_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA405
1841	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	DCTDTM60_	7050301	Cơ sở đo ảnh và viễn thám	4	30-06-2020	4	HNAB303
1842	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	DCTDTM60_	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	22-06-2020	4	HNAB503
1843	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	DCTDTM60_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA405
1844	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	23-06-2020	11	HNAB506
1845	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100224	Nhà nhiều tầng	2	29-06-2020	2	HNAB504
1846	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây	2	24-06-2020	7	HNAD301
1847	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100231	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	30-06-2020	2	HNAA305
1848	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4010613	Tiếng Anh 1	3	26-06-2020	9	HNAD503
1849	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo n	2	04-07-2020	7	HNAB303
1850	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100226	Giám sát thi công	2	04-07-2020	2	HNAA207

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1851	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng	2	27-06-2020	7	HNAD401
1852	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	3	03-07-2020	2	HNAA405
1853	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD401
1854	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	DCXDDC58_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAB207
1855	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	DCXDDC59_	4100210	Kinh tế xây dựng	2	01-07-2020	2	HNAA305
1856	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	DCXDDC59_	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây	2	24-06-2020	7	HNAD301
1857	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	DCXDDC59_	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng	2	27-06-2020	7	HNAD401
1858	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	DCXDDC59_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAB207
1859	1421070345	Trần Văn	Lãm	30/07/1996	DCXDDC59_	4100101	Các phương pháp số	2	22-06-2020	2	HNAA408
1860	1421070345	Trần Văn	Lãm	30/07/1996	DCXDDC59_	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	30-06-2020	4	HNAD201
1861	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	DCXDDC60_	4090413	Thuỷ lực cơ sở B	2	24-06-2020	11	HNAD101
1862	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	DCXDDC60_	4010614	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	4	HNAD301
1863	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	2	HNAA307
1864	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA303
1865	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	4040504	Nền và móng	2	23-06-2020	7	HNAA308
1866	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA308
1867	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	3	27-06-2020	9	HNAD101
1868	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	3	03-07-2020	2	HNAA303
1869	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	DCXDDC60_	4050526	Trắc địa đại cương	2	23-06-2020	4	HNAA408
1870	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	26-06-2020	4	HNAA405
1871	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	03-07-2020	7	HNAD503
1872	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4100231	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	30-06-2020	2	HNAA305
1873	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4100226	Giám sát thi công	2	04-07-2020	2	HNAA207
1874	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng	2	27-06-2020	7	HNAD401
1875	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	DCXDDC61_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAB207
1876	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA405
1877	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA304
1878	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	4020103	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	11	HNAD201
1879	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAA305
1880	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	30-06-2020	2	HNAD301
1881	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA303
1882	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA303
1883	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	DCXDDC61B	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1884	1721070007	Đinh Tiến	Trung	13/10/1999	DCXDDC62	4040529	Thiết bị khảo sát trong địa chất công	2	25-06-2020	2	HNAA306
1885	1721070007	Đinh Tiến	Trung	13/10/1999	DCXDDC62	4020103	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	11	HNAD201

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1886	1821070009	Chu Quốc	Huy	05/01/2000	DCXDDC63	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA405
1887	1821070009	Chu Quốc	Huy	05/01/2000	DCXDDC63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAA305
1888	1821070009	Chu Quốc	Huy	05/01/2000	DCXDDC63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA303
1889	1821070009	Chu Quốc	Huy	05/01/2000	DCXDDC63	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA303
1890	1821070009	Chu Quốc	Huy	05/01/2000	DCXDDC63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1891	1821070158	Đặng Anh	Quân	18/02/2000	DCXDDC63	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA303
1892	1821070158	Đặng Anh	Quân	18/02/2000	DCXDDC63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA308
1893	1821070158	Đặng Anh	Quân	18/02/2000	DCXDDC63	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA308
1894	1821070158	Đặng Anh	Quân	18/02/2000	DCXDDC63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1895	1821070158	Đặng Anh	Quân	18/02/2000	DCXDDC63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAB501
1896	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA303
1897	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAD101
1898	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA308
1899	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA308
1900	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1901	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	18/10/2000	DCXDDC63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAB501
1902	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	3	26-06-2020	7	HNAA303
1903	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAB204
1904	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2	24-06-2020	2	HNAB507
1905	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	7080226	Tin học đại cương + TH (khối kỹ thu	3	24-06-2020	9	HNAB303
1906	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAB303
1907	1521070132	Lương Hồng	Đăng	22/03/1997	DCXDHT60_	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1908	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	DCXDHT60_	4090413	Thuỷ lực cơ sở B	2	24-06-2020	11	HNAD101
1909	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	DCXDHT60_	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	3	26-06-2020	7	HNAA303
1910	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	DCXDHT60_	4100169	Thiết kế hầm và công trình ngầm	2	26-06-2020	2	HNAB205
1911	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	DCXDHT60_	7030506	Sức bền vật liệu 1	3	27-06-2020	2	HNAA407
1912	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	DCXDHT61_	4100305	Thiết kế công trình thủy	2	23-06-2020	4	HNAB505
1913	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	DCXDHT61_	4100169	Thiết kế hầm và công trình ngầm	2	26-06-2020	2	HNAB205
1914	1621070151	Trần Thế	Anh	03/11/1997	DCXDHT61_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAB207
1915	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	DCXDHT61_	4100305	Thiết kế công trình thủy	2	23-06-2020	4	HNAB505
1916	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	DCXDHT61_	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý h	2	23-06-2020	11	HNAB506
1917	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	DCXDHT61_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAD502
1918	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	DCXDHT61_	4010110	Toán tối ưu	2	22-06-2020	4	HNAD301
1919	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	DCXDHT61_	4100169	Thiết kế hầm và công trình ngầm	2	26-06-2020	2	HNAB205
1920	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4090550	Máy xây dựng	2	25-06-2020	2	HNAB205

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1921	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4100208	Tổ chức và quản lý thi công	2	30-06-2020	9	HNAD502
1922	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4020103	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	11	HNAD201
1923	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1924	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4010110	Toán tối ưu	2	22-06-2020	4	HNAD301
1925	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho K	3	24-06-2020	2	HNAA405
1926	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	3	03-07-2020	2	HNAA303
1927	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4100169	Thiết kế hầm và công trình ngầm	2	26-06-2020	2	HNAB205
1928	1621070121	Nguyễn Văn	Trưởng	13/11/1998	DCXDHT61_	4100101	Các phương pháp số	2	22-06-2020	2	HNAB202
1929	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4040504	Nền và móng	2	23-06-2020	7	HNAA308
1930	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	26-06-2020	4	HNAA405
1931	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ	2	25-06-2020	4	HNAA304
1932	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4110236	Môi trường và con người	2	03-07-2020	4	HNAB204
1933	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAB501
1934	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4100206	Kết cấu thép	2	22-06-2020	9	HNAA409
1935	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAB303
1936	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4100101	Các phương pháp số	2	22-06-2020	2	HNAA408
1937	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4100226	Giám sát thi công	2	04-07-2020	2	HNAA207
1938	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	19/08/1998	DCXDHT62	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	3	03-07-2020	2	HNAA405
1939	1821070133	Bùi Đức	Cường	05/12/2000	DCXDHT63	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA405
1940	1821070133	Bùi Đức	Cường	05/12/2000	DCXDHT63	7100325	Thủy văn công trình	2	23-06-2020	2	HNAA304
1941	1821070133	Bùi Đức	Cường	05/12/2000	DCXDHT63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAA305
1942	1821070133	Bùi Đức	Cường	05/12/2000	DCXDHT63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA303
1943	1821070133	Bùi Đức	Cường	05/12/2000	DCXDHT63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1944	1821070105	Trần Đức	Huy	0	DCXDHT63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAA305
1945	1821070105	Trần Đức	Huy	0	DCXDHT63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA303
1946	1821070105	Trần Đức	Huy	0	DCXDHT63	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA303
1947	1821070105	Trần Đức	Huy	0	DCXDHT63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1948	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7100304	Cơ học đất xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA303
1949	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7100325	Thủy văn công trình	2	23-06-2020	2	HNAA304
1950	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7030501	Cơ học kết cấu + BTL	4	24-06-2020	2	HNAA308
1951	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7100218	Kết cấu bê tông cốt thép	3	22-06-2020	2	HNAA308
1952	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ ngh	3	26-06-2020	11	HNAD101
1953	1821070177	Phan Anh	Kiệt	10/10/2000	DCXDHT63	7100224	Kết cấu thép	3	03-07-2020	2	HNAB501
1954	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	DCXDNM60	4100224	Nhà nhiều tầng	2	29-06-2020	2	HNAB205
1955	1521070117	Nguyễn Đình	Vinh	28/11/1995	DCXDNM60	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	30-06-2020	2	HNAB501

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1956	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4090550	Máy xây dựng	2	25-06-2020	2	HNAB504
1957	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	26-06-2020	4	HNAA405
1958	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4040504	Nền và móng	2	25-06-2020	4	HNAB501
1959	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Má	2	04-07-2020	4	HNAD301
1960	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2	24-06-2020	2	HNAB507
1961	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAB303
1962	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4100101	Các phương pháp số	2	22-06-2020	2	HNAA408
1963	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	DCXDNM60_	4100226	Giám sát thi công	2	04-07-2020	2	HNAA207
1964	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	25-06-2020	4	HNAB503
1965	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4100112	Xây dựng công trình ngầm bằng phư	2	01-07-2020	2	HNAB502
1966	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng	3	01-07-2020	4	HNAA405
1967	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4100111	Xây dựng các công trình trên mặt đất	2	29-06-2020	4	HNAA405
1968	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4010102	Giải tích 1	4	22-06-2020	7	HNAA207
1969	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAB501
1970	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	24-06-2020	4	HNAB303
1971	1621070009	Nguyễn Văn	Định	15/09/1998	DCXDNM61_	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30-06-2020	7	HNAD301
1972	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4010106	Phương pháp tính	2	22-06-2020	7	HNAD201
1973	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4010403	Autocad + TH	2	27-06-2020	4	HNAA304
1974	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4100151	Xây dựng giếng đứng	2	25-06-2020	4	HNAB503
1975	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4100112	Xây dựng công trình ngầm bằng phư	2	01-07-2020	2	HNAB502
1976	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng	3	01-07-2020	4	HNAA405
1977	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4100111	Xây dựng các công trình trên mặt đất	2	29-06-2020	4	HNAA405
1978	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4010401	Hình học họa hình	2	27-06-2020	9	HNAA303
1979	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAD201
1980	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	04-07-2020	9	HNAD101
1981	1621070129	Mai Viết	Thành	02/05/1998	DCXDNM61_	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2	04-07-2020	4	HNAA305
1982	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAB207
1983	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD101
1984	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7100120	Nhập môn Kỹ thuật xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA403
1985	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD402
1986	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
1987	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD101
1988	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAB204
1989	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAB207
1990	1921070042	Trịnh Quốc	Nhật	09/09/2001	DCXDXD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAB207

TT	MSSV	Họ tên đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ngày thi	Tiết BD	Phòng
1991	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7010104	Giải tích 2	4	22-06-2020	7	HNAB207
1992	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7010602	Tiếng Anh 2	3	26-06-2020	2	HNAD301
1993	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7100120	Nhập môn Kỹ thuật xây dựng	3	25-06-2020	2	HNAA403
1994	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAD201
1995	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2	24-06-2020	2	HNAD201
1996	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA308
1997	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh củ	2	03-07-2020	2	HNAD201
1998	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7020104	Pháp luật đại cương	2	04-07-2020	7	HNAD201
1999	1921070053	Phạm Thành	Văn	26/08/2001	DCXDXD64	7020105	Triết học Mác - Lênin	3	27-06-2020	2	HNAD401
2000	1521070045	Bùi Viết	Duy	05/08/1997	DCXDXN60_	4100138	An toàn và bảo vệ môi trường trong	2	26-06-2020	2	HNAB405
2001	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	DCXDXN60_	4100138	An toàn và bảo vệ môi trường trong	2	26-06-2020	2	HNAB405
2002	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/1994	LCCDTD60_1	4090222	Điều khiển tự động hệ thống truyền đ	2	23-06-2020	9	HNAD301
2003	1631030104	Dương Văn	Thiện	19/10/1990	LCTDDC61_2	4050643	Quản lý nhà nước về đất đai	2	29-06-2020	4	HNAB504
2004	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	7010111	Phương pháp tính	3	23-06-2020	4	HNAD403
2005	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	26-06-2020	4	HNAA405
2006	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	30-06-2020	7	HNAA207
2007	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	7010505	Cơ lý thuyết 1	3	04-07-2020	2	HNAA303
2008	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	4100101	Các phương pháp số	2	22-06-2020	2	HNAA408
2009	1631070052	Nguyễn Văn	Hưng	05/11/1992	LCXDDC61_2	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	25-06-2020	11	HNAA405